ỦY BAN NHÂN DÂN **XÃ HOÀNG HOA THÁM** Số: /ĐA-UBND **DỰ THẢO**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** *Hoàng Hoa Thám, ngày tháng 6 năm 2026*

ĐỀ ÁN

Sắp xếp, tổ chức lại thôn trên địa bàn xã Hoàng Hoa Thám năm 2026

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16/6/2025; Nghị định số 185/2026/NĐ-CP ngày 26/5/2026 của Chính phủ quy định về tổ chức, hoạt động của thôn, tổ dân phố và chế độ, chính sách đối với người hoạt động không chuyên trách ở thôn, tổ dân phố; Chỉ thị số 21/CT-TTg ngày 20/5/2026 của Thủ tướng Chính phủ về sắp xếp thôn, tổ dân phố và bố trí, sử dụng, chế độ chính sách đối với người hoạt động không chuyên trách; Thông báo số 379-TB/ĐU ngày 05/6/2026 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về Phương án sắp xếp, tổ chức lại thôn, tổ dân phố năm 2026; Kế hoạch số 197/KH-UBND ngày 29/5/2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hưng Yên về sắp xếp, tổ chức lại thôn, tổ dân phố trên địa bàn tỉnh Hưng Yên năm 2026; Phương án số 97/PA-UBND ngày 08/6/2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hưng Yên về tổng thể sắp xếp, tổ chức lại thôn, tổ dân phố trên địa bàn tỉnh Hưng Yên năm 2026. Ủy ban nhân dân xã Hoàng Hoa Thám xây dựng Đề án sắp xếp, tổ chức lại thôn trên địa bàn xã Hoàng Hoa Thám năm 2026, như sau:

Phần thứ nhất

ĐẶC ĐIỂM TÌNH HÌNH, CĂN CỨ CHÍNH TRỊ, PHÁP LÝ VÀ SỰ CẦN THIẾT SẮP XẾP THÔN

I. ĐẶC ĐIỂM TÌNH HÌNH XÃ HOÀNG HOA THÁM

1. Về địa giới hành chính

- Xã Hoàng Hoa Thám được thành lập theo Nghị quyết số 1666/NQ-UBTVQH15 ngày 16/6/2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội trên cơ sở sáp nhập toàn bộ diện tích tự nhiên và quy mô dân số của 04 đơn vị hành chính cấp xã trước đây gồm: xã An Viên, xã Nhật Tân, xã Hưng Đạo và thị trấn Vương.

- Sau sáp nhập, xã Hoàng Hoa Thám có diện tích tự nhiên 31,85 km²; phía Đông giáp xã Tiên Hoa và xã Tiên Lữ; phía Tây giáp xã Hiệp Cường; phía Nam giáp phường Phố Hiến và xã Tân Hưng; phía Bắc giáp xã Lương Bằng, xã Hồng Quang và xã Đoàn Đào

- Địa bàn xã có hệ thống giao thông thuận lợi với các trục giao thông huyết mạch đi qua địa bàn, cùng với đó là các cụm công nghiệp, các làng nghề trên địa bàn, nên trong những năm qua, cùng với sự phát triển chung của tỉnh Hưng Yên, kinh tế xã hội của xã Hoàng Hoa Thám có bước phát triển mạnh mẽ.

- Sau khi thực hiện sáp nhập đơn vị hành chính cấp xã, địa giới hành chính của xã Hoàng Hoa Thám có sự mở rộng cả về diện tích tự nhiên và quy

mô dân số; số lượng thôn tăng, yêu cầu quản lý nhà nước tại cơ sở ngày càng cao. Bên cạnh những thuận lợi, việc quản lý địa bàn rộng, dân cư đông, phân bố không đồng đều cũng đặt ra nhiều yêu cầu trong công tác quản lý dân cư, bảo đảm an ninh trật tự, vệ sinh môi trường và tổ chức hoạt động của hệ thống chính trị ở cơ sở.

- Hiện nay, hệ thống thôn trên địa bàn xã chủ yếu được giữ nguyên theo địa giới của các xã, thị trấn trước khi sáp nhập đơn vị hành chính nên còn tồn tại tình trạng quy mô nhỏ, phân tán, chưa phù hợp với yêu cầu quản lý và tiêu chuẩn tổ dân phố theo định hướng thành lập phường và theo quy định hiện hành. Vì vậy, việc rà soát, sắp xếp, tổ chức lại các thôn là cần thiết nhằm phù hợp với địa giới hành chính mới, bảo đảm thuận lợi trong công tác quản lý, điều hành và tổ chức hoạt động tại cộng đồng dân cư.

2. Về vị trí địa lý - kinh tế

- Xã Hoàng Hoa Thám có vị trí địa lý thuận lợi, nằm trong khu vực phát triển kinh tế năng động của tỉnh Hưng Yên, có điều kiện kết nối giao thông thuận tiện với các địa phương trong và ngoài tỉnh. Trên địa bàn và khu vực lân cận có các tuyến giao thông quan trọng đi qua, tạo điều kiện thuận lợi cho giao thương, vận chuyển hàng hóa, phát triển sản xuất và kết nối với các trung tâm kinh tế, công nghiệp của tỉnh và vùng đồng bằng sông Hồng.

- Xã tiếp giáp với nhiều địa phương có tốc độ phát triển kinh tế, đô thị hóa và công nghiệp hóa ngày càng cao; đồng thời nằm gần các khu, cụm công nghiệp, cơ sở sản xuất, kinh doanh đang hoạt động, tạo điều kiện thuận lợi cho phát triển thương mại, dịch vụ, tiểu thủ công nghiệp và giải quyết việc làm cho người lao động trên địa bàn.

- Trong những năm qua, cơ cấu kinh tế của địa phương từng bước chuyển dịch theo hướng tăng tỷ trọng thương mại, dịch vụ, công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp; sản xuất nông nghiệp tiếp tục được duy trì và phát triển theo hướng nâng cao giá trị, hiệu quả. Đời sống vật chất và tinh thần của Nhân dân ngày càng được cải thiện. Hệ thống kết cấu hạ tầng như giao thông, điện, nước, thông tin liên lạc, trường học, cơ sở y tế và các thiết chế văn hóa tiếp tục được quan tâm đầu tư, góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

- Tuy nhiên, cùng với quá trình phát triển kinh tế - xã hội, gia tăng dân số và yêu cầu ngày càng cao trong công tác quản lý nhà nước ở cơ sở, địa phương cũng đang đối mặt với một số khó khăn, thách thức như: áp lực về hạ tầng kỹ thuật, vệ sinh môi trường, an ninh trật tự, phòng chống cháy nổ, quản lý cư trú và tổ chức các hoạt động cộng đồng dân cư.

- Bên cạnh đó, hệ thống thôn hiện nay còn nhiều đầu mối nhỏ, quy mô dân cư giữa các đơn vị chưa đồng đều, gây khó khăn trong công tác quản lý địa bàn, triển khai các nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội và tổ chức hoạt động của hệ thống chính trị ở cơ sở.

- Do vậy, việc sắp xếp, tổ chức lại các thôn trên địa bàn xã Hoàng Hoa Thám là cần thiết nhằm phù hợp với điều kiện phát triển kinh tế - xã hội, yêu cầu quản lý nhà nước trong giai đoạn hiện nay; góp phần tinh gọn đầu mối, nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động của hệ thống chính trị ở cơ sở và phục vụ Nhân dân ngày càng tốt hơn.

3. Về hạ tầng - xã hội

- Trong những năm qua, cùng với quá trình phát triển kinh tế - xã hội và xây dựng nông thôn mới nâng cao, hệ thống hạ tầng kỹ thuật và hạ tầng xã hội trên địa bàn xã Hoàng Hoa Thám từng bước được quan tâm đầu tư, nâng cấp, cơ bản đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội và phục vụ đời sống Nhân dân.

- Hệ thống giao thông trên địa bàn xã cơ bản thuận lợi; nhiều tuyến đường trục xã, đường liên thôn, ngõ xóm được đầu tư cải tạo, nâng cấp và bê tông hóa. Hệ thống điện sinh hoạt, điện chiếu sáng, thông tin liên lạc, Internet cơ bản đáp ứng nhu cầu của người dân. Công tác chỉnh trang cảnh quan, vệ sinh môi trường tại các khu dân cư tiếp tục được quan tâm thực hiện, góp phần thay đổi diện mạo nông thôn theo hướng khang trang, văn minh.

- Các công trình hạ tầng xã hội như trường học, trạm y tế, nhà văn hóa thôn và các thiết chế văn hóa cộng đồng được quan tâm đầu tư, nâng cấp. Công tác giáo dục, y tế, an sinh xã hội, chăm sóc sức khỏe Nhân dân tiếp tục được duy trì ổn định; đời sống vật chất và tinh thần của Nhân dân từng bước được nâng lên.

- Trên địa bàn xã hiện có hệ thống các cơ sở giáo dục, Trạm Y tế xã, Trung tâm Dịch vụ tổng hợp xã, nhà văn hóa thôn cùng các công trình phục vụ sinh hoạt cộng đồng cơ bản đáp ứng nhu cầu hội họp, tuyên truyền, tổ chức các phong trào thi đua và hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể dục thể thao tại cơ sở.

- Tuy nhiên, do địa bàn rộng, dân cư phân bố không đồng đều nên hạ tầng kỹ thuật và hạ tầng xã hội tại một số khu vực còn chưa đồng bộ; một số nhà văn hóa thôn diện tích còn hạn chế, cơ sở vật chất xuống cấp; hệ thống thoát nước, vệ sinh môi trường và điểm tập kết rác thải tại một số nơi chưa đáp ứng yêu cầu thực tế.

- Bên cạnh đó, việc duy trì nhiều thôn có quy mô nhỏ còn làm phân tán nguồn lực đầu tư, ảnh hưởng đến hiệu quả quản lý, khai thác và sử dụng các công trình hạ tầng cũng như việc tổ chức các hoạt động cộng đồng dân cư.

- Do vậy, việc sắp xếp, tổ chức lại các thôn trên địa bàn xã Hoàng Hoa Thám sẽ góp phần tạo điều kiện thuận lợi cho công tác quy hoạch, đầu tư, quản lý và khai thác hiệu quả hệ thống hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội; đồng thời nâng cao chất lượng hoạt động cộng đồng dân cư, xây dựng nông thôn mới văn minh, hiện đại và đáp ứng yêu cầu phát triển của địa phương trong giai đoạn mới.

4. Những khó khăn, thách thức

- Bên cạnh những thuận lợi về vị trí địa lý, tiềm năng phát triển kinh tế và hệ thống hạ tầng từng bước được đầu tư, xã Hoàng Hoa Thám hiện vẫn còn một số khó khăn, thách thức trong quá trình phát triển kinh tế - xã hội và tổ chức hoạt động của hệ thống chính trị ở cơ sở.

- Sau khi thực hiện sắp xếp đơn vị hành chính cấp xã, quy mô diện tích tự nhiên và dân số của xã tăng lên, địa bàn quản lý rộng, dân cư phân bố không đồng đều giữa các thôn. Trong khi đó, hệ thống thôn hiện nay cơ bản vẫn được giữ nguyên theo địa giới trước khi sắp xếp nên còn tồn tại nhiều đầu mối nhỏ, phân tán, chưa thực sự phù hợp với yêu cầu quản lý trong giai đoạn mới.

- Một số thôn có quy mô hộ gia đình và dân số chưa bảo đảm tiêu chuẩn theo quy định; địa bàn quản lý còn manh mún, gây khó khăn trong công tác lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành, triển khai các nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, quản lý dân cư, bảo đảm an ninh trật tự và tổ chức các hoạt động cộng đồng tại cơ sở.

- Quá trình phát triển kinh tế - xã hội, chuyển dịch cơ cấu lao động và gia tăng dân số cơ học tại một số khu vực cũng đặt ra nhiều vấn đề cần quan tâm như: áp lực về hạ tầng kỹ thuật, vệ sinh môi trường, quản lý đất đai, trật tự xây dựng, phòng chống cháy nổ, an ninh trật tự và quản lý cư trú. Một số địa bàn có lao động ngoài địa phương đến làm việc, cư trú ngày càng tăng, ảnh hưởng đến công tác quản lý ở cơ sở.

- Bên cạnh đó, cơ sở vật chất phục vụ sinh hoạt cộng đồng tại một số thôn còn hạn chế; một số nhà văn hóa diện tích nhỏ, cơ sở vật chất xuống cấp hoặc chưa đáp ứng yêu cầu tổ chức hội họp, sinh hoạt cộng đồng sau khi mở rộng quy mô dân cư.

- Đội ngũ người hoạt động không chuyên trách ở thôn phố mặc dù cơ bản đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ nhưng vẫn còn một số khó khăn như: độ tuổi chưa đồng đều, khả năng ứng dụng công nghệ thông tin ở một số trường hợp còn hạn chế; chế độ hỗ trợ còn thấp trong khi khối lượng công việc ngày càng tăng.

- Ngoài ra, quá trình triển khai sắp xếp, tổ chức lại thôn có thể tác động đến tâm tư, nguyện vọng của một bộ phận cán bộ cơ sở và Nhân dân; do đó đòi hỏi địa phương phải thực hiện tốt công tác tuyên truyền, vận động, tạo sự đồng thuận trong cộng đồng dân cư nhằm bảo đảm ổn định tình hình tại cơ sở.

- Những khó khăn, thách thức nêu trên đặt ra yêu cầu cần tiếp tục rà soát, sắp xếp, tổ chức lại thôn theo hướng tinh gọn, phù hợp với quy mô dân cư và yêu cầu quản lý; góp phần nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động của hệ thống chính trị ở cơ sở và đáp ứng yêu cầu phát triển của xã Hoàng Hoa Thám mới trong giai đoạn hiện nay.

II. CĂN CỨ CHÍNH TRỊ, PHÁP LÝ

1. Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16/6/2025;

2. Luật Thực hiện dân chủ ở cơ sở ngày 10/11/2022;

3. Kết luận số 210-KL/TW ngày 12/11/2025 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII về tiếp tục xây dựng, hoàn thiện tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị trong thời gian tới;

4. Kết luận số 34-KL/TW ngày 18/5/2026 của Bộ Chính trị về sắp xếp thôn, tổ dân phố và bố trí, sử dụng, chế độ chính sách đối với người hoạt động không chuyên trách;

5. Nghị định số 185/2026/NĐ-CP ngày 26/5/2026 của Chính phủ quy định về tổ chức, hoạt động của thôn, tổ dân phố và chế độ, chính sách đối với người hoạt động không chuyên trách ở thôn, tổ dân phố;

6. Nghị định số 154/2025/NĐ-CP ngày 15 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ về tinh giản biên chế.

7. Chỉ thị số 21/CT-TTg ngày 20/5/2026 của Thủ tướng Chính phủ về sắp xếp thôn, tổ dân phố và bố trí, sử dụng, chế độ chính sách đối với người hoạt động không chuyên trách;

8. Nghị quyết số 1666/NQ-UBTVQH15 ngày 16 tháng 6 năm 2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc sắp xếp các đơn vị hành chính cấp xã của tỉnh Hưng Yên.

9. Kế hoạch số 197/KH-UBND ngày 29/5/2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hưng Yên về sắp xếp, tổ chức lại thôn, tổ dân phố trên địa bàn tỉnh Hưng Yên năm 2026;

10. Thông báo số 379-TB/TU ngày 05/6/2026 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về Phương án sắp xếp, tổ chức lại thôn, tổ dân phố năm 2026

11. Phương án số 97/PA-UBND ngày 08/6/2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hưng Yên về tổng thể sắp xếp, tổ chức lại thôn, tổ dân phố trên địa bàn tỉnh Hưng Yên năm 2026;

12. Thông báo số ...-TB/ĐU ngày 09/6/2026 của Đảng ủy xã Hoàng Hoa Thám về thông qua Dự thảo Đề án sắp xếp, tổ chức lại thôn trên địa bàn xã Hoàng Hoa Thám năm 2026

III. SỰ CẦN THIẾT SẮP XẾP THÔN

1. Xuất phát từ thực trạng tổ chức và hoạt động của thôn trên địa bàn

Xã Hoàng Hoa Thám nằm ở khu vực phía Bắc và là 01 trong 104 đơn vị hành chính cấp xã thuộc tỉnh Hưng Yên, có vị trí địa lý cụ thể như sau: phía Đông giáp xã Tiên Hoa và xã Tiên Lữ; phía Tây giáp xã Hiệp Cường; phía Nam giáp phường Phố Hiến và xã Tân Hưng; phía Bắc giáp xã Lương Bằng, xã Hồng Quang và xã Đoàn Đào. Xã Hoàng Hoa Thám có diện tích tự nhiên là 31,85 km^2, với 13.551 hộ gia đình và 46.406 dân thường trú. Trên địa bàn xã có 24 thôn, 48 người hoạt động không chuyên trách tại các thôn. Do định hướng thành lập phường nên yêu cầu số hộ dân tại mỗi thôn phải đạt từ 550 hộ trở lên theo tiêu chuẩn của tổ dân phố. Hiện nay, có 11 thôn có quy mô dân số đạt từ 550 hộ

gia đình trở lên; có 13 thôn có quy mô số hộ gia đình chưa đạt tiêu chuẩn theo quy định 550 hộ gia đình; như vậy hầu hết các thôn trên địa bàn có quy mô quá nhỏ, không đảm bảo điều kiện về quy mô số hộ gia đình theo quy định.

2. Xuất phát từ yêu cầu thực tế

Thực hiện chủ trương của Đảng và Nhà nước về tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị theo hướng tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả; việc sắp xếp tổ dân phố trên địa bàn xã Hoàng Hoa Thám là yêu cầu khách quan, cấp thiết, xuất phát từ những lý do cơ bản sau đây:

Thứ nhất, sau khi thực hiện sắp xếp đơn vị hành chính cấp xã theo Nghị quyết số 1666/NQ-UBTVQH15, xã Hoàng Hoa Thám được thành lập trên cơ sở sáp nhập 04 đơn vị hành chính cấp xã gồm: xã An Viên, xã Nhật Tân, xã Hưng Đạo và thị trấn Vương. Hệ thống thôn hiện nay cơ bản vẫn được giữ nguyên từ trước khi sáp nhập đơn vị hành chính, dẫn đến số lượng đầu mối lớn, quy mô hộ gia đình và dân số của nhiều thôn chưa đạt tiêu chuẩn theo quy định, địa bàn quản lý còn phân tán, manh mún.

Thứ hai, trong tổng số 24 thôn hiện có trên địa bàn xã, có 11 thôn đạt tiêu chuẩn theo quy định, còn lại 13 chưa đạt tiêu chuẩn về quy mô hộ gia đình và dân số. Việc duy trì nhiều đầu mối nhỏ lẻ làm tăng số lượng người hoạt động không chuyên trách, gây lãng phí ngân sách nhà nước, giảm hiệu quả quản lý tại cơ sở.

Thứ ba, quá trình đô thị hóa nhanh, phát triển công nghiệp và gia tăng dân số cơ học trên địa bàn đặt ra yêu cầu cao đối với công tác quản lý dân cư, bảo đảm an ninh trật tự, vệ sinh môi trường và xây dựng đô thị văn minh. Hệ thống thôn cần được rà soát, tổ chức lại để phù hợp với thực tiễn phát triển của địa phương.

Thứ tư, việc sắp xếp, tổ chức lại thôn sẽ góp phần tinh gọn đầu mối quản lý, giảm số lượng người hoạt động không chuyên trách, nâng cao hiệu quả hoạt động của hệ thống chính trị ở cơ sở; tạo điều kiện tập trung nguồn lực đầu tư cơ sở hạ tầng, nhà văn hóa và các thiết chế phục vụ sinh hoạt cộng đồng; phát huy vai trò tự quản và sức mạnh khối đại đoàn kết toàn dân trong cộng đồng dân cư.

Phần thứ hai

HIỆN TRẠNG SẮP XẾP, TỔ CHỨC LẠI THÔN CỦA XÃ HOÀNG HOA THÁM

1. Hiện trạng số lượng thôn

1.1. Tổng số thôn: 24 Thôn;

1.2. Số hộ gia đình của các thôn: 13.551 hộ;

1.3. Số dân của các thôn: 46.406 người.

2. Số lượng thôn thực hiện sắp xếp, tổ chức lại

2.1. Số thôn chưa đủ tiêu chuẩn về quy mô hộ gia đình: 13 thôn;

2.2. Số thôn sắp xếp, tổ chức lại: 17 thôn (trong đó có thôn Nội Linh đã đủ tiêu chuẩn về quy mô hộ gia đình theo quy định tuy nhiên vẫn thực hiện sắp xếp với thôn Đại Nại và thôn Linh Hạ đã đủ tiêu chuẩn về quy mô hộ gia đình theo quy định tuy nhiên vẫn thực hiện sắp xếp với thôn An Trạch để đảm bảo quy mô và hiệu quả quản lý; thôn Dị Chế tách khoảng 150 hộ về thôn Hòa Bình để thuận lợi cho việc sinh hoạt của Nhân dân và đảm bảo hiệu quả quản lý);

2.3. Số thôn giải thể do sắp xếp, tổ chức lại thôn: không có

3. Số lượng thôn, tổ dân phố không thực hiện sắp xếp, tổ chức lại

Tổng số thôn: 07 thôn, trong đó:

3.1. Số thôn đảm bảo tiêu chuẩn quy mô số hộ gia đình theo quy định: 07 thôn;

3.2. Số thôn chưa đạt tiêu chuẩn về quy mô số hộ gia đình nhưng không sắp xếp do có yếu tố đặc thù: không có.

(Số liệu chi tiết tại phụ lục 1A, 1B kèm theo Đề án)

Phần thứ ba

PHƯƠNG ÁN SẮP XẾP, TỔ CHỨC LẠI THÔN CỦA XÃ HOÀNG HOA THÁM

I. PHƯƠNG ÁN SẮP XẾP, TỔ CHỨC LẠI THÔN

1. Sắp xếp, tổ chức lại thôn Chế Chì và thôn Đa Quang

a) Về đặc điểm, tình hình, quy mô thôn sau sắp xếp

- Tên gọi của thôn mới là: Thôn Đa Quang (Tổ dân phố Đa Quang).

- Quy mô số hộ gia đình, nhân khẩu của thôn sau khi sắp xếp, tổ chức lại gồm: 739 hộ với 2.411 nhân khẩu; trong đó có 52 đảng viên.

- Các thôn liền kề: thôn Hòa Bình và thôn Dị Chế.

- Nơi đặt trụ sở Nhà văn hóa của thôn sau sắp xếp, tổ chức lại: Nhà văn hóa thôn Chế Chì cũ (quỹ đất rộng hơn, ví trí thuận lợi).

- Các điều kiện khác như: Lịch sử, văn hoá, phong tục tập quán, địa lý, điều kiện bảo đảm tổ chức và hoạt động của thôn, cơ sở hạ tầng kinh tế - xã hội thiết yếu, phù hợp với điều kiện thực tế của địa phương để phục vụ hoạt động cộng đồng và bảo đảm ổn định cuộc sống của người dân.

b) Lý do sắp xếp, tổ chức lại: Các thôn trên đều chưa đảm bảo quy mô số hộ gia đình theo quy định, sắp xếp 02 thôn liền kề nhau, có quy mô số hộ gia đình chưa đảm bảo theo quy định; phong tục tập quán, các yếu tố văn hóa không bị ảnh hưởng, thuận lợi cho việc sinh hoạt của Nhân dân.

2. Sắp xếp, tổ chức lại thôn Nội Linh và thôn Đại Nại

a) Về đặc điểm, tình hình, quy mô thôn sau sắp xếp

- Tên gọi của thôn mới là: Thôn Ngô Quyền (Tổ dân phố Ngô Quyền).

- Quy mô số hộ gia đình, nhân khẩu của thôn sau khi sắp xếp, tổ chức lại gồm: 1.128 hộ với 3.718 nhân khẩu; trong đó có 153 đảng viên.

- Các thôn liền kề: thôn Hòa Bình, thôn Tiên Xá, thôn Trịnh Mỹ, thôn Dung, thôn Tam Nông, thôn Nhật Tân, thôn Phượng Tường.

- Nơi đặt trụ sở Nhà văn hóa của thôn sau sắp xếp, tổ chức lại: Nhà văn hóa thôn Nội Linh cũ (quỹ đất rộng hơn, ví trí thuận lợi).

- Các điều kiện khác như: Lịch sử, văn hoá, phong tục tập quán, địa lý, điều kiện bảo đảm tổ chức và hoạt động của thôn, cơ sở hạ tầng kinh tế - xã hội thiết yếu, phù hợp với điều kiện thực tế của địa phương để phục vụ hoạt động cộng đồng và bảo đảm ổn định cuộc sống của người dân.

b) Lý do sắp xếp, tổ chức lại: 02 thôn liền kề nhau, thôn Đại Nại có quy mô số hộ gia đình chưa đảm bảo theo quy định; phong tục tập quán, các yếu tố văn hóa không bị ảnh hưởng, thuận lợi cho việc sinh hoạt của Nhân dân; lấy tên gọi theo tên của xã cũ trước sáp nhập.

3. Sắp xếp, tổ chức lại thôn Tam Nông và thôn Muội Sảng

a) Về đặc điểm, tình hình, quy mô thôn sau sắp xếp

- Tên gọi của thôn mới là: Thôn Tam Nông (Tổ dân phố Tam Nông).

- Quy mô số hộ gia đình, nhân khẩu của thôn sau khi sắp xếp, tổ chức lại gồm: 741 hộ với 2.382 nhân khẩu; trong đó có 83 đảng viên.

- Các thôn liền kề: thôn Dung, thôn Ngô Quyền, thôn Nhật Tân, thôn Cao Cương, thôn Hưng Đạo.

- Nơi đặt trụ sở Nhà văn hóa của thôn sau sắp xếp, tổ chức lại: Nhà văn hóa thôn Tam Nông cũ (quỹ đất rộng hơn, ví trí thuận lợi).

- Các điều kiện khác như: Lịch sử, văn hoá, phong tục tập quán, địa lý, điều kiện bảo đảm tổ chức và hoạt động của thôn, cơ sở hạ tầng kinh tế - xã hội thiết yếu, phù hợp với điều kiện thực tế của địa phương để phục vụ hoạt động cộng đồng và bảo đảm ổn định cuộc sống của người dân.

b) Lý do sắp xếp, tổ chức lại: 02 thôn liền kề nhau, có quy mô số hộ gia đình chưa đảm bảo theo quy định; phong tục tập quán, các yếu tố văn hóa không bị ảnh hưởng, thuận lợi cho việc sinh hoạt của Nhân dân; lấy tên gọi theo lịch sử "làng kháng chiến Tam Nông"

4. Sắp xếp, tổ chức lại thôn Xuân Điểm và thôn Hậu Xá

a) Về đặc điểm, tình hình, quy mô thôn sau sắp xếp

- Tên gọi của thôn mới là: Thôn Hưng Đạo (Tổ dân phố Hưng Đạo).

- Quy mô số hộ gia đình, nhân khẩu của thôn sau khi sắp xếp, tổ chức lại gồm: 586 hộ với 1.968 nhân khẩu; trong đó có 38 đảng viên.

- Các thôn liền kề: thôn Tam Nông, thôn Cao Cương.

- Nơi đặt trụ sở Nhà văn hóa của thôn sau sắp xếp, tổ chức lại: Nhà văn hóa thôn Xuân Điểm cũ (quỹ đất rộng hơn, ví trí thuận lợi).

- Các điều kiện khác như: Lịch sử, văn hoá, phong tục tập quán, địa lý, điều kiện bảo đảm tổ chức và hoạt động của thôn, cơ sở hạ tầng kinh tế - xã hội thiết yếu, phù hợp với điều kiện thực tế của địa phương để phục vụ hoạt động cộng đồng và bảo đảm ổn định cuộc sống của người dân.

b) Lý do sắp xếp, tổ chức lại: 02 thôn liền kề nhau, có quy mô số hộ gia đình chưa đảm bảo theo quy định; phong tục tập quán, các yếu tố văn hóa không bị ảnh hưởng, thuận lợi cho việc sinh hoạt của Nhân dân; lấy tên gọi theo tên của xã cũ trước sáp nhập.

5. Sắp xếp, tổ chức lại thôn Linh Hạ và thôn An Trạch

a) Về đặc điểm, tình hình, quy mô thôn sau sắp xếp

- Tên gọi của thôn mới là: Thôn Nhật Tân (Tổ dân phố Nhật Tân).

- Quy mô số hộ gia đình, nhân khẩu của thôn sau khi sắp xếp, tổ chức lại gồm: 972 hộ với 3.609 nhân khẩu; trong đó có 93 đảng viên.

- Các thôn liền kề: thôn Phượng Tường, thôn Ngô Quyền, thôn Tam Nông, thôn Cao Cương.

- Nơi đặt trụ sở Nhà văn hóa của thôn sau sắp xếp, tổ chức lại: Nhà văn hóa thôn Linh Hạ cũ (quỹ đất rộng hơn, ví trí thuận lợi).

- Các điều kiện khác như: Lịch sử, văn hoá, phong tục tập quán, địa lý, điều kiện bảo đảm tổ chức và hoạt động của thôn, cơ sở hạ tầng kinh tế - xã hội thiết yếu, phù hợp với điều kiện thực tế của địa phương để phục vụ hoạt động cộng đồng và bảo đảm ổn định cuộc sống của người dân.

b) Lý do sắp xếp, tổ chức lại: 02 thôn liền kề nhau, thôn An Trạch có quy mô số hộ gia đình chưa đảm bảo theo quy định; phong tục tập quán, các yếu tố văn hóa không bị ảnh hưởng, thuận lợi cho việc sinh hoạt của Nhân dân; lấy tên gọi theo tên của xã cũ trước sáp nhập.

6. Sắp xếp, tổ chức lại thôn Phượng Tường, thôn Phù Oanh và thôn Nghĩa Chế

a) Về đặc điểm, tình hình, quy mô thôn sau sắp xếp

- Tên gọi của thôn mới là: Thôn Phượng Tường (Tổ dân phố Phượng Tường).

- Quy mô số hộ gia đình, nhân khẩu của thôn sau khi sắp xếp, tổ chức lại gồm: 835 hộ với 2.870 nhân khẩu; trong đó có 119 đảng viên.

- Các thôn liền kề: thôn Dị Chế, thôn Ngô Quyền, thôn Nhật Tân, thôn An Xá, thôn Nội Thượng.

- Nơi đặt trụ sở Nhà văn hóa của thôn sau sắp xếp, tổ chức lại: Nhà văn hóa thôn Phượng Tường cũ (quỹ đất rộng hơn, ví trí thuận lợi).

- Các điều kiện khác như: Lịch sử, văn hoá, phong tục tập quán, địa lý, điều kiện bảo đảm tổ chức và hoạt động của thôn, cơ sở hạ tầng kinh tế - xã hội thiết yếu, phù hợp với điều kiện thực tế của địa phương để phục vụ hoạt động cộng đồng và bảo đảm ổn định cuộc sống của người dân.

b) Lý do sắp xếp, tổ chức lại: 03 thôn liền kề nhau, có quy mô số hộ gia đình chưa đảm bảo theo quy định; phong tục tập quán, các yếu tố văn hóa không bị ảnh hưởng, thuận lợi cho việc sinh hoạt của Nhân dân.

7. Sắp xếp, tổ chức lại thôn Cao Đoài và thôn Cao Đông

a) Về đặc điểm, tình hình, quy mô thôn sau sắp xếp

- Tên gọi của thôn mới là: Thôn Cao Cương (Tổ dân phố Cao Cương).

- Quy mô số hộ gia đình, nhân khẩu của thôn sau khi sắp xếp, tổ chức lại gồm: 840 hộ với 2.807 nhân khẩu; trong đó có 60 đảng viên.

- Các thôn liền kề: thôn Hưng Đạo, thôn Tam Nông, thôn Nhật Tân.

- Nơi đặt trụ sở Nhà văn hóa của thôn sau sắp xếp, tổ chức lại, tổ chức lại: Nhà văn hóa thôn Cao Đoài cũ (quỹ đất rộng hơn, ví trí thuận lợi).

- Các điều kiện khác như: Lịch sử, văn hoá, phong tục tập quán, địa lý, điều kiện bảo đảm tổ chức và hoạt động của thôn, cơ sở hạ tầng kinh tế - xã hội thiết yếu, phù hợp với điều kiện thực tế của địa phương để phục vụ hoạt động cộng đồng và bảo đảm ổn định cuộc sống của người dân.

b) Lý do sắp xếp, tổ chức lại: 02 thôn liền kề nhau, có quy mô số hộ gia đình chưa đảm bảo theo quy định; phong tục tập quán, các yếu tố văn hóa không bị ảnh hưởng, thuận lợi cho việc sinh hoạt của Nhân dân; lấy tên gọi theo lịch sử tổng Cao Cương.

8. Tách khoảng 150 hộ dân với diện tích 0,2 km^2 tại khu Đồng Quan, thôn Dị Chế về thôn Hòa Bình

Lí do: thuận lợi cho việc sinh hoạt của Nhân dân và đảm bảo hiệu quả quản lý

- Giữ nguyên tên gọi của các thôn sau khi sáp nhập là thôn Dị Chế (Tổ dân phố Dị Chế) và thôn Hòa Bình (Tổ dân phố Hòa Bình)

- Quy mô số hộ gia đình, nhân khẩu của thôn sau khi sắp xếp, tổ chức lại gồm:

+ Thôn Dị Chế: 1.358 hộ với 4.701 nhân khẩu

+ Thôn Hòa Bình: 1.012 hộ với 3.495 nhân khẩu

- Các thôn liền kề: thôn Đa Quang, thôn Tiên Xá, thôn Ngô Quyền, thôn Phượng Tường.

- Nơi đặt trụ sở Nhà văn hóa của thôn sau sắp xếp, tổ chức lại, tổ chức lại:

+ Thôn Dị Chế: Nhà văn hóa thôn Dị Chế

+ Thôn Hòa Bình: Nhà văn hóa thôn Hòa Bình

- Các điều kiện khác như: Lịch sử, văn hoá, phong tục tập quán, địa lý, điều kiện bảo đảm tổ chức và hoạt động của thôn, cơ sở hạ tầng kinh tế - xã hội thiết yếu, phù hợp với điều kiện thực tế của địa phương để phục vụ hoạt động cộng đồng và bảo đảm ổn định cuộc sống của người dân.

9. Các thôn không thực hiện sắp xếp, tổ chức lại

- Thôn Trịnh Mỹ: gồm 762 hộ với 2.496 nhân khẩu trong đó có 80 đảng viên. Giữ nguyên tên gọi và tổ chức bộ máy.

- Thôn Tiên Xá: gồm 939 hộ với 3.048 nhân khẩu với 129 đảng viên. Giữ nguyên tên gọi và tổ chức bộ máy.

- Thôn Dung: gồm 1.076 hộ với 3.477 nhân khẩu với 102 đảng viên. Giữ nguyên tên gọi và tổ chức bộ máy.

- Thôn Nội Lễ: gồm 737 hộ với 2.695 nhân khẩu với 98 đảng viên. Giữ nguyên tên gọi và tổ chức bộ máy.

- Thôn Nội Thượng: gồm 558 hộ với 2.140 nhân khẩu với 89 đảng viên. Giữ nguyên tên gọi và tổ chức bộ máy.

- Thôn Nội Mai: gồm 554 hộ với 2.277 nhân khẩu với 66 đảng viên. Giữ nguyên tên gọi và tổ chức bộ máy.

- Thôn An Xá: gồm 714 hộ với 2.312 nhân khẩu với 101 đảng viên. Giữ nguyên tên gọi và tổ chức bộ máy.

(có phụ lục 2A, 2B kèm theo Đề án)

II. KẾT QUẢ SAU KHI THỰC HIỆN SẮP XẾP THÔN CỦA XÃ

Trước khi sắp xếp, xã Hoàng Hoa Thám có 24 thôn, tổng số 13.551 hộ gia đình với 46.406 nhân khẩu thường trú tại địa phương.

Sau khi sắp xếp, xã Hoàng Hoa Thám còn 16 thôn, giảm 08 thôn. Toàn bộ 16 thôn đều đạt tiêu chuẩn về quy mô hộ gia đình theo quy định.

III. PHƯƠNG ÁN SẮP XẾP TỔ CHỨC, BỐ TRÍ ĐỘI NGŨ NGƯỜI HOẠT ĐỘNG KHÔNG CHUYÊN TRÁCH, NGƯỜI TRỰC TIẾP THAM GIA CÔNG VIỆC Ở THÔN, CÁC CHỨC DANH KHÁC CÓ LIÊN QUAN VÀ GIẢI QUYẾT CHẾ ĐỘ, CHÍNH SÁCH KHI THỰC HIỆN SẮP XẾP, TỔ CHỨC LẠI THÔN THUỘC XÃ HOÀNG HOA THÁM

1. Thực trạng người hoạt động không chuyên trách và người trực tiếp tham gia công việc của thôn và các chức danh khác có liên quan

1.1. Người hoạt động không chuyên trách ở thôn

Tổng số 48 người, trong đó:

- Chia ra cụ thể theo các chức danh:

+ Bí thư chi bộ kiêm Trưởng thôn: 24 người

+ Trưởng Ban Công tác mặt trận: 24 người

- Chia theo độ tuổi:

+ Dưới 40 tuổi: 08 người

+ Từ 40 tuổi đến dưới 50 tuổi: 14 người

+ Từ 50 tuổi đến dưới 60 tuổi: 15 người

+ Trên 60 tuổi: 11 người

- Chia theo trình độ đào tạo:

+ Trên đại học: 0 người

+ Đại học: 13 người

+ Cao đẳng, trung cấp: 08 người

+ Dưới trung cấp: 27 người

1.2. Người trực tiếp tham gia công việc của thôn đang hưởng theo các quy định của tỉnh Hưng Yên cũ

Tổng số 180 người, trong đó:

Chia ra cụ thể theo các chức danh *(không tính người kiêm nhiệm)* quy định tại Nghị quyết 439/2023/NQ-HĐND (tỉnh Hưng Yên cũ)

+ Phó Trưởng thôn: 19 người

+ Phó Bí thư chi bộ: 16 người.

+ Chi hội trưởng Hội phụ nữ: 18 người

+ Tổ trưởng Tổ ANTT: 15 người

+ Chi hội trưởng Hội nông dân: 18 người.

+ Chi hội trưởng Hội NCT: 18 người

+ Chi hội trưởng Hội cựu chiến binh: 14 người

+ Chi hội trưởng Hội chữ thập đỏ: 03 người

+ Bí thư Chi đoàn: 11 người

+ Thôn Đội trưởng: 19 người

+ Chi ủy viên: 18 người

+ Nhân viên y tế thôn: 11 người

- Chia theo độ tuổi:

+ Dưới 40 tuổi: 36 người

+ Từ 40 tuổi đến dưới 50 tuổi: 33 người

+ Từ 50 tuổi đến dưới 60 tuổi: 32 người

+ Trên 60 tuổi: 79 người (trong đó trên 70 tuổi: 18 người).

- Chia theo trình độ đào tạo:

+ Trên đại học: 0 người

+ Đại học: 22 người

+ Cao đẳng, trung cấp: 31 người

+ Dưới trung cấp: 127 người

1.3. Các trường hợp người tham gia công việc khác của thôn đang hưởng phụ cấp/bồi dưỡng theo các quy định của Trung ương, tỉnh

Tổng số 26 người, trong đó:

Tổ an ninh trật tự ở cơ sở *(theo quy định tại Nghị quyết số 803/2025/NQ-HĐND ngày 09/12/2025 của HĐND tỉnh Hưng Yên):* 26 người

2. Phương án sắp xếp, bố trí sau sắp xếp, tổ chức lại thôn

2.1. Phương án sắp xếp, kiện toàn tổ chức sau sắp xếp thôn

Tổ chức các thôn sau thực hiện sắp xếp, tổ chức lại bao gồm: 01 Bí thư Chi bộ; 01 Trưởng thôn; 01 Trưởng Ban Công tác Mặt trận; các Chi hội, Đoàn thể (Chi hội Cựu chiến binh, Chi hội Phụ nữ, Chi đoàn Thanh niên, Chi hội Người cao tuổi và các tổ chức đoàn thể khác). Ngoài ra còn có: Lực lượng tham gia bảo vệ an ninh trật tự ở cơ sở; Tổ hòa giải; Cộng tác viên dân số, y tế và các tổ tự quản khác.

2.2. Phương án bố trí, sắp xếp người hoạt động không chuyên trách, người trực tiếp tham gia hoạt động và các đối tượng khác đang tham gia hoạt động tại thôn sau sắp xếp

Trước sắp xếp, tổng số người hoạt động không chuyên trách tại các thôn là 48 người (gồm 24 Bí thư Chi bộ - Trưởng thôn và 24 Trưởng Ban Công tác mặt trận).

Tổng số người trực tiếp tham gia hoạt động và các đối tượng khác đang tham gia hoạt động tại thôn là 206 người.

Sau sắp xếp, xã Hoàng Hoa Thám còn 16 thôn nên dự kiến phương án bố trí như sau:

2.2.1. Người hoạt động không chuyên trách

a. Đối với các thôn Dị Chế, Trịnh Mỹ, Hòa Bình, Tiên Xá, Dung, Nội Lễ, Nội Thượng, Nội Mai, An Xá

Giữ nguyên đội ngũ người hoạt động không chuyên trách tại thôn cũ gồm 18 người (09 Bí thư chi bộ - Tổ trưởng tổ dân phố và 09 Trưởng ban Công tác mặt trận)

b. Đối với các thôn Đa Quang, Ngô Quyền, Tam Nông, Hưng Đạo, Nhật Tân, Phượng Tường, Cao Cương

Theo quy định tại Điều 14, Nghị định 185/2026/NĐ-CP ngày 26/5/2026, Người hoạt động không chuyên trách ở thôn, tổ dân phố gồm các chức danh: Trưởng thôn hoặc tổ trưởng tổ dân phố; Bí thư Chi bộ; Trưởng Ban Công tác Mặt trận. Số lượng ở mỗi thôn, tổ dân phố không quá 03 người.

Dự kiến 07 thôn mới sắp xếp bố trí 21 người hoạt động không chuyên trách (07 Bí thư Chi bộ, 07 Tổ trưởng tổ dân phố 07 Trưởng Ban Công tác Mặt trận); giảm 09 người so với hiện trạng.

2.2.2. Người trực tiếp tham gia hoạt động và các đối tượng khác đang tham gia hoạt động tại thôn

a. Đối với các thôn Dị Chế, Trịnh Mỹ, Hòa Bình, Tiên Xá, Dung, Nội Lễ, Nội Thượng, Nội Mai, An Xá

Giữ nguyên đội ngũ người trực tiếp tham gia hoạt động và các đối tượng khác đang tham gia hoạt động tại thôn cũ gồm 86 người.

b. Đối với các thôn Đa Quang, Ngô Quyền, Tam Nông, Hưng Đạo, Nhật Tân, Phượng Tường, Cao Cương

Theo quy định tại Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh Hưng Yên Quy định chức danh, số lượng và một số chế độ, chính sách đối với người hoạt động không chuyên trách, người tham gia hoạt động ở thôn, tổ dân phố; mức khoán kinh phí hoạt động của Chi bộ, Ban công tác Mặt trận và Chi hội đoàn thể ở thôn, tổ dân phố trên địa bàn tỉnh Hưng Yên: Số lượng người trực tiếp tham gia hoạt động ở thôn, tổ dân phố (không tính tổ An ninh trật tự: 03 người – theo quy định tại Nghị quyết 456/2024/NQ-HĐND ngày 06/6/2024 của HĐND tỉnh Hưng Yên)

- Thôn có dưới 700 hộ gia đình, tổ dân phố có dưới 1.000 hộ gia đình được bố trí tối đa 07 người.

- Thôn có từ 700 hộ gia đình, tổ dân phố có từ 1.000 hộ gia đình trở lên; thôn, tổ dân phố thuộc đơn vị hành chính cấp xã trọng điểm về quốc phòng theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền được bố trí tối đa 08 người.

Do xã Hoàng Hoa Thám có định hướng thành lập phường nên áp dụng theo tiêu chí của tổ dân phố. Cụ thể:

- Các thôn có từ 1.000 hộ gia đình trở lên (Ngô Quyền): bố trí tối đa 11 người/thôn. Tổng số người cần là 11 người, giảm 07 người so với hiện trạng.

- Các thôn có dưới 1.000 hộ gia đình (Đa Quang, Tam Nông, Hưng Đạo, Nhật Tân, Phượng Tường, Cao Cương): bố trí tối đa 10 người/thôn. Tổng số người cần là 60 người, giảm 42 người so với hiện trạng

2.3. Phương án giải quyết chế độ, chính sách đối với người dôi dư sau sắp xếp

Đối với người hoạt động không chuyên trách và người trực tiếp tham gia hoạt động tại thôn dôi dư sau sắp xếp, địa phương thực hiện giải quyết theo các hình thức phù hợp:

2.3.1. Đối với người hoạt động không chuyên trách

- Tiếp tục bố trí tham gia công tác tại các tổ chức đoàn thể, tổ tự quản hoặc các hoạt động cộng đồng tại khu dân cư (đối với những người có năng lực, uy tín và nguyện vọng).

- Thực hiện chế độ, chính sách theo quy định của Chính phủ về tinh giản biên chế và hướng dẫn của cấp có thẩm quyền.

2.3.2. Đối với người trực tiếp tham gia hoạt động tại thôn: Thực hiện chế độ chính sách theo quy định và hướng dẫn của cấp có thẩm quyền.

(có phụ lục 3A, 3B, 3C, 3D kèm theo Đề án)

IV. PHƯƠNG ÁN VÀ LỘ TRÌNH SẮP XẾP, XỬ LÝ TRỤ SỞ THÔN DÔI DƯ SAU SẮP XẾP

Sau khi sắp xếp, địa phương rà soát, lựa chọn 01 nhà văn hóa trung tâm phù hợp tại mỗi thôn để tiếp tục sử dụng làm trụ sở sinh hoạt cộng đồng. Các nhà văn hóa dôi dư được xem xét xử lý theo phương án: giao cho thôn quản lý để phục vụ hoạt động phụ; cho cộng đồng dân cư thuê hoạt động văn hóa, thể thao; hoặc chuyển giao cho cơ quan có thẩm quyền xử lý theo quy định của pháp luật về quản lý tài sản công.

(có phụ lục 4 kèm theo Đề án)

Phần thứ tư
TỔ CHỨC THỰC HIỆN

I. Phòng Văn hóa – Xã hội xã (Cơ quan tham mưu chính)

Phòng Văn hóa - Xã hội xã là cơ quan chuyên môn chủ trì tham mưu cho Ủy ban nhân dân xã xây dựng, hoàn thiện và tổ chức triển khai Đề án sắp xếp thôn theo đúng quy định của pháp luật, với các nhiệm vụ cụ thể sau:

1. Chủ trì tham mưu Ủy ban nhân dân xã xây dựng, hoàn thiện Đề án sắp xếp, tổ chức lại thôn trên địa bàn xã Hoàng Hoa Thám bảo đảm đúng quy định của pháp luật hiện hành, phù hợp với tình hình thực tế của địa phương.

2. Tham mưu Ủy ban nhân dân xã tổ chức rà soát, đánh giá thực trạng các thôn; xây dựng phương án sắp xếp phù hợp với quy mô dân số, số hộ gia đình và điều kiện thực tế; hoàn chỉnh hồ sơ Đề án theo đúng biểu mẫu, phụ lục quy định.

3. Chủ trì phối hợp với Văn phòng HĐND và UBND xã (lĩnh vực tư pháp), Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam xã và các cơ quan, đơn vị liên quan tổ chức tuyên truyền, lấy ý kiến Nhân dân về Đề án sắp xếp thôn theo quy định; bảo đảm dân chủ, công khai, minh bạch.

4. Hướng dẫn, đôn đốc các thôn thực hiện các nội dung liên quan đến sắp xếp, sáp nhập, kiện toàn tổ chức và bố trí người hoạt động không chuyên trách sau sắp xếp; theo dõi, tổng hợp, báo cáo tiến độ và kết quả thực hiện.

5. Phối hợp với Trung tâm Dịch vụ tổng hợp xã tổ chức tuyên truyền trên hệ thống truyền thanh cơ sở về chủ trương, nội dung và kết quả sắp xếp thôn; tạo sự đồng thuận và ủng hộ trong Nhân dân.

6. Phối hợp với Trạm Y tế xã, các cơ sở giáo dục và các đơn vị sự nghiệp trên địa bàn thông tin, tuyên truyền và phối hợp thực hiện các nhiệm vụ liên quan đến sắp xếp thôn.

7. Theo dõi, kiểm tra, tổng hợp kết quả thực hiện Đề án; tham mưu Ủy ban nhân dân xã báo cáo cấp có thẩm quyền theo quy định; đề xuất điều chỉnh các nội dung chưa phù hợp trong quá trình thực hiện.

II. Phòng Kinh tế xã

Phòng Kinh tế xã thực hiện các nhiệm vụ liên quan đến quản lý cơ sở vật chất, hạ tầng kỹ thuật và nhà văn hóa thôn trong quá trình thực hiện Đề án, cụ thể:

1. Chủ trì rà soát, đánh giá thực trạng nhà văn hóa, trụ sở và cơ sở hạ tầng kỹ thuật của các thôn thuộc diện sắp xếp; tham mưu Ủy ban nhân dân xã phương án quản lý, sử dụng nhà văn hóa thôn, các công trình hạ tầng và cơ sở vật chất phục vụ cộng đồng sau sắp xếp bảo đảm đúng quy định về quản lý tài sản công.

2. Hướng dẫn, kiểm tra việc quản lý, sử dụng tài sản công, cơ sở vật chất, trang thiết bị tại các thôn bảo đảm đúng quy định của pháp luật; tham mưu xử lý tài sản dôi dư sau sắp xếp (bao gồm nhà văn hóa không tiếp tục sử dụng) theo đúng quy trình pháp lý.

3. Tham mưu phương án đầu tư, nâng cấp hạ tầng kỹ thuật, nhà văn hóa và các thiết chế phục vụ cộng đồng phù hợp với quy mô thôn sau sắp xếp; ưu tiên đầu tư cải tạo, nâng cấp các nhà văn hóa được lựa chọn làm trụ sở chính của thôn mới.

4. Phối hợp với Ban Quản lý Dự án đầu tư xây dựng xã trong công tác kiểm kê, bàn giao hồ sơ kỹ thuật, bản vẽ, sơ đồ địa chính và các tài liệu liên quan đến cơ sở hạ tầng của các thôn trong và sau quá trình sắp xếp.

5. Phối hợp theo dõi, đánh giá tình hình biến động dân cư để tham mưu điều chỉnh ranh giới địa bàn quản lý của các thôn sau sắp xếp cho phù hợp với thực tiễn phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn xã.

III. Văn phòng HĐND và UBND xã

1. Chủ trì tham mưu Ủy ban nhân dân xã xây dựng, ban hành các văn bản, quyết định liên quan đến việc thành lập, sáp nhập, giải thể thôn theo đúng thẩm quyền và quy định của pháp luật; bảo đảm hồ sơ pháp lý đầy đủ, chặt chẽ.

2. Hướng dẫn thực hiện các quy trình, thủ tục hành chính liên quan đến việc sắp xếp thôn theo quy định, bảo đảm quyền, lợi ích hợp pháp của tổ chức và cá nhân trong quá trình triển khai thực hiện Đề án.

3. Thực hiện lĩnh vực tư pháp: xác nhận, chứng thực các văn bản, hồ sơ liên quan đến việc thay đổi tên gọi thôn trong các giấy tờ, tài liệu hành chính; tham mưu các vấn đề pháp lý phát sinh trong quá trình sắp xếp.

4. Phối hợp với Phòng Văn hóa - Xã hội xã tham mưu công tác kiện toàn tổ chức, nhân sự; hướng dẫn quản lý, tiếp nhận và lưu trữ hồ sơ, tài liệu liên quan trong quá trình thực hiện sắp xếp theo đúng chế độ lưu trữ của Nhà nước.

5. Phối hợp tham mưu giải quyết chế độ, chính sách đối với người hoạt động không chuyên trách chịu tác động do sắp xếp thôn theo quy định tại Nghị định số 154/2025/NĐ-CP, Nghị định số 150/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 và hướng dẫn của cấp có thẩm quyền.

6. Tiếp nhận và xử lý kịp thời các phản ánh, kiến nghị của Nhân dân liên quan đến việc sắp xếp thôn qua Trung tâm Phục vụ Hành chính công xã; bảo đảm giải quyết đúng quy định, tạo sự đồng thuận trong Nhân dân.

IV. Trạm Y tế xã

Trạm Y tế xã là đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Ủy ban nhân dân xã, thực hiện các nhiệm vụ liên quan đến Đề án như sau:

1. Phối hợp tuyên truyền, cung cấp thông tin về sức khỏe cộng đồng, chương trình dân số - kế hoạch hóa gia đình, phòng chống dịch bệnh đến Nhân dân tại các thôn thuộc diện sắp xếp; thông tin kịp thời về địa chỉ, số điện thoại mới của Trạm Y tế để Nhân dân thuận tiện liên hệ sau khi ranh giới địa bàn thôn thay đổi.

2. Rà soát, cập nhật lại số liệu dân số, hộ gia đình, đối tượng quản lý sức khỏe theo địa bàn thôn mới sau sắp xếp; điều chỉnh bản đồ y tế xã và phân công cán bộ y tế phụ trách địa bàn phù hợp với ranh giới thôn sau sắp xếp.

3. Phối hợp với nhân viên y tế thôn và cộng tác viên dân số trong việc tiếp tục thực hiện các nhiệm vụ y tế cộng đồng sau khi sắp xếp; bảo đảm không gián đoạn công tác chăm sóc sức khỏe ban đầu, phòng chống dịch bệnh và chương trình tiêm chủng mở rộng tại địa bàn.

4. Cập nhật hồ sơ bệnh án điện tử, sổ sách theo dõi sức khỏe dân cư theo địa bàn thôn mới; báo cáo Ủy ban nhân dân xã và cơ quan y tế cấp trên về công tác y tế cộng đồng theo phạm vi quản lý sau sắp xếp.

V. Trung tâm Dịch vụ tổng hợp xã

Trung tâm Dịch vụ tổng hợp xã (thực hiện tuyên truyền trên hệ thống truyền thanh cơ sở) thực hiện các nhiệm vụ sau trong quá trình triển khai Đề án:

1. Xây dựng kế hoạch tuyên truyền về Đề án sắp xếp thôn; biên soạn nội dung tuyên truyền phù hợp với từng đối tượng thính giả; bảo đảm thông tin chính xác, kịp thời và dễ hiểu đối với Nhân dân trên địa bàn xã.

2. Tổ chức phát sóng thường xuyên trên hệ thống truyền thanh cơ sở về: mục đích, ý nghĩa và sự cần thiết của việc sắp xếp thôn; chủ trương, chính sách pháp luật liên quan; phương án sắp xếp cụ thể; quyền lợi và nghĩa vụ của Nhân dân; chế độ chính sách đối với người hoạt động không chuyên trách; thông tin về tên gọi mới, địa bàn quản lý và nhà văn hóa của các thôn sau sắp xếp.

3. Phối hợp với Phòng Văn hóa - Xã hội xã và các cơ quan liên quan xây dựng, phát sóng các chương trình chuyên đề, phóng sự, tin tức về quá trình triển khai thực hiện Đề án; phản ánh kết quả và những chuyển biến tích cực sau khi sắp xếp thôn.

4. Cập nhật, thông tin kịp thời về lịch làm việc, địa điểm họp thôn, các sự kiện quan trọng liên quan đến triển khai Đề án để Nhân dân biết và tham gia đầy đủ.

VI. Các thôn thuộc diện sắp xếp, tổ chức lại

1. Tổ chức tuyên truyền, phổ biến nội dung Đề án đến toàn thể Nhân dân tại khu dân cư; phối hợp với cấp ủy, chi bộ, Ban Công tác Mặt trận giải thích rõ mục đích, ý nghĩa và lợi ích của việc sắp xếp; tạo sự đồng thuận trong quá trình triển khai thực hiện.

2. Phối hợp tổ chức hội nghị lấy ý kiến cử tri hoặc đại diện hộ gia đình theo đúng quy định; tổng hợp, phản ánh trung thực ý kiến của Nhân dân đến cơ quan có thẩm quyền.

3. Thực hiện rà soát, kiểm kê toàn bộ hồ sơ, tài liệu, tài sản, cơ sở vật chất và các nội dung liên quan; tiến hành bàn giao đầy đủ, đúng quy định, phục vụ công tác sắp xếp thôn, không để thất thoát tài sản công.

4. Phối hợp kiện toàn tổ chức Chi bộ, Ban Công tác Mặt trận, các tổ chức đoàn thể và bố trí người hoạt động không chuyên trách sau khi sáp nhập theo đúng quy định; bảo đảm hoạt động liên tục, không gián đoạn sau khi sáp nhập.

5. Xây dựng, sửa đổi quy chế hoạt động, hương ước, quy ước của thôn phù hợp với tình hình thực tế sau sắp xếp; tổ chức hội nghị Nhân dân thông qua và thực hiện đúng quy định về dân chủ ở cơ sở.

VII. Các cơ sở giáo dục trên địa bàn xã

Các cơ sở giáo dục trên địa bàn xã (trường mầm non, tiểu học, trung học cơ sở và các cơ sở giáo dục khác) phối hợp thực hiện các nhiệm vụ sau:

1. Phối hợp với Ban đại diện cha mẹ học sinh và giáo viên chủ nhiệm tuyên truyền đến phụ huynh học sinh về chủ trương sắp xếp thôn; thông tin kịp thời về những thay đổi liên quan đến địa bàn thôn mới ảnh hưởng đến hoạt động của nhà trường.

2. Cập nhật thông tin địa chỉ cư trú của học sinh theo ranh giới thôn mới sau sắp xếp; điều chỉnh hồ sơ tuyển sinh và hồ sơ quản lý học sinh theo địa bàn quản lý mới phù hợp với kết quả sắp xếp thôn.

3. Phối hợp với thôn và gia đình học sinh trong công tác phổ cập giáo dục, phòng chống bỏ học và các phong trào thi đua xây dựng trường học văn hóa, gia đình hiếu học sau khi ranh giới địa bàn thôn được điều chỉnh.

4. Trong điều kiện nhà văn hóa thôn dôi dư sau sắp xếp, các cơ sở giáo dục có thể đề xuất phương án sử dụng một phần diện tích phục vụ hoạt động giáo dục, văn hóa, thể thao ngoại khóa theo quy định và phê duyệt của cơ quan có thẩm quyền.

VIII. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam xã và các tổ chức chính trị - xã hội xã

Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam xã và các tổ chức chính trị - xã hội xã (Hội Liên hiệp Phụ nữ, Hội Nông dân, Hội Cựu chiến binh, Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh,...) phối hợp thực hiện các nội dung sau:

1. Phối hợp tổ chức tuyên truyền, vận động đoàn viên, hội viên và Nhân dân trên địa bàn xã nhận thức đúng đắn về chủ trương, ý nghĩa và sự cần thiết của việc sắp xếp thôn; tạo sự thống nhất trong tư tưởng và đồng thuận trong hành động, góp phần bảo đảm ổn định tình hình trong quá trình triển khai thực hiện Đề án.

2. Phối hợp tổ chức lấy ý kiến Nhân dân đối với phương án sắp xếp thôn theo quy định; bảo đảm quá trình lấy ý kiến được thực hiện dân chủ, công khai, minh bạch và phản ánh đúng ý chí, nguyện vọng của Nhân dân. Tổng hợp đầy đủ kết quả lấy ý kiến báo cáo cơ quan có thẩm quyền.

3. Tham gia giám sát quá trình triển khai thực hiện Đề án theo chức năng, nhiệm vụ được quy định; kịp thời phản ánh các khó khăn, vướng mắc, bất cập và

kiến nghị với cơ quan có thẩm quyền xem xét, giải quyết để bảo đảm Đề án được thực hiện đúng quy định, hiệu quả và tạo được sự đồng thuận của Nhân dân.

4. Sau khi sắp xếp hoàn thành, phối hợp kiện toàn Ban Công tác Mặt trận và các chi hội, đoàn thể tại các thôn mới theo đúng Điều lệ và quy định của từng tổ chức; tiếp tục phát huy vai trò nòng cốt trong công tác tuyên truyền, vận động Nhân dân tham gia các phong trào thi đua yêu nước và các cuộc vận động tại khu dân cư.

5. Đề nghị Hội đồng nhân dân xã xem xét, thông qua Đề án theo thẩm quyền; giám sát quá trình triển khai thực hiện và kịp thời có ý kiến khi phát hiện những vấn đề không phù hợp với chủ trương, quy định của pháp luật trong quá trình thực hiện.

Phần thứ năm
KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ, ĐỀ XUẤT

I. KẾT LUẬN

Việc sắp xếp, tổ chức lại các thôn trên địa bàn xã Hoàng Hoa Thám là yêu cầu khách quan, cấp thiết, phù hợp với chủ trương của Đảng và Nhà nước về tinh gọn tổ chức bộ máy, nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động của hệ thống chính trị ở cơ sở; phù hợp với mô hình chính quyền địa phương 02 cấp hiện nay. Thông qua việc thực hiện Đề án này, xã Hoàng Hoa Thám sẽ đạt được các kết quả quan trọng sau đây:

1. Tinh gọn tổ chức bộ máy ở cơ sở: Giảm số lượng thôn từ 24 xuống còn 16, giảm số lượng người hoạt động không chuyên trách và người trực tiếp tham gia hoạt động tại thôn, nâng cao hiệu quả quản lý, điều hành và tiết kiệm chi ngân sách nhà nước tại địa phương.

2. Nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động của hệ thống chính trị ở cơ sở: Tạo điều kiện thuận lợi trong công tác lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành; giảm áp lực quản lý đầu mối cho cấp xã; nâng cao chất lượng hoạt động của thôn, phát huy sức mạnh khối đại đoàn kết toàn dân.

3. Sử dụng hiệu quả nguồn lực địa phương: Tập trung nguồn lực đầu tư cơ sở hạ tầng, nhà văn hóa theo quy mô dân cư sau sắp xếp; khai thác hiệu quả các công trình phục vụ cộng đồng; tiết kiệm chi phí vận hành bộ máy.

4. Phù hợp với yêu cầu phát triển trong giai đoạn mới: Đáp ứng yêu cầu quản lý dân cư, chuyển đổi số, cải cách hành chính và xây dựng chính quyền cơ sở hiện đại; phù hợp với thực tiễn phát triển đô thị và gia tăng dân số cơ học trên địa bàn xã.

5. Bảo đảm quyền làm chủ của Nhân dân và ổn định tình hình cơ sở: Việc sắp xếp thực hiện công khai, dân chủ; giữ gìn truyền thống lịch sử, văn hóa, phong tục, tập quán cộng đồng dân cư; tạo sự đồng thuận và ổn định tình hình địa bàn.

II. KIẾN NGHỊ, ĐỀ XUẤT

Đối với cấp trên:

1. Hướng dẫn cụ thể các nội dung liên quan đến giải quyết chế độ, chính sách cho người dôi dư và xử lý tài sản công dôi dư sau sắp xếp.

2. Hỗ trợ kinh phí từ ngân sách tỉnh để đầu tư nâng cấp nhà văn hóa thôn sau sắp xếp; đặc biệt đối với các nhà văn hóa được lựa chọn làm trụ sở chính của thôn mới có quy mô lớn hơn.

3. Đề nghị Sở Nội vụ và các cơ quan liên quan tăng cường hướng dẫn, hỗ trợ chuyên môn cho các địa phương trong quá trình triển khai thực hiện Đề án; tổ chức tập huấn nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ thực hiện sắp xếp thôn.

Trên đây là Đề án sắp xếp thôn trên địa bàn xã Hoàng Hoa Thám năm 2026./.

Nơi nhận:
- UBND tỉnh;
- Sở Nội vụ; (để b/c)
- Thường trực Đảng ủy xã;
- Thường trực HĐND xã;
- Chủ tịch, các PCT UBND xã;
- Các cơ quan, đơn vị trên địa bàn xã;
- UBMTTQ Việt Nam xã;
- Các thôn trên địa bàn xã;
- Lưu: VT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH

Nguyễn Đức Lăng

PHỤ LỤC 1A
THỐNG KÊ QUY MÔ DÂN SỐ CỦA THÔN
TRÊN ĐỊA BÀN XÃ HOÀNG HOA THÁM

(Kèm theo Đề án số /ĐA-UBND ngày / /2026 của Ủy ban nhân dân xã)

STT	Tên thôn	Quy mô số hộ gia đình		Số dân	Yếu tố đặc thù (nếu có)	Thuộc diện sắp xếp, tổ chức lại	Thuộc diện giải thể	Không thuộc diện sắp xếp, tổ chức lại	Ghi chú
		Quy mô số hộ gia đình (hộ)	Tỷ lệ so với tiêu chuẩn (%)						
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*
1	Thôn Dị Chế	*1.508*	*274%*	*5.301*				*X*	
2	Thôn Chế Chì	*259*	*47%*	*869*		*X*			
3	Thôn Đa Quang	*480*	*87%*	*1.542*		*X*			
4	Thôn Nghĩa Chế	*241*	*44%*	*846*		*X*			
5	Thôn Đại Nại	*489*	*89%*	*1.681*		*X*			
6	Thôn Nội Linh	*639*	*116%*	*2.037*				*X*	
7	Thôn Trịnh Mỹ	*762*	*139%*	*2.496*				*X*	
8	Thôn Hòa Bình	*862*	*157%*	*2.895*				*X*	
9	Thôn Tiên Xá	*939*	*171%*	*3.048*				*X*	
10	Thôn Nội Lễ	*737*	*134%*	*2.695*				*X*	
11	Thôn Nội Thượng	*558*	*101%*	*2.140*				*X*	
12	Thôn Nội Mai	*554*	*101%*	*2.277*				*X*	
13	Thôn An Xá	*714*	*130%*	*2.312*				*X*	
14	Thôn Tam Nông	*511*	*93%*	*1.654*		*X*			
15	Thôn Muội Sảng	*230*	*42%*	*728*		*X*			
16	Thôn Xuân Điểm	*270*	*49%*	*945*		*X*			
17	Thôn Hậu Xá	*316*	*57%*	*1.023*		*X*			
18	Thôn Dung	*1.076*	*196%*	*3.477*				*X*	
19	Thôn Phượng Tường	*386*	*70%*	*1.300*		*X*			
20	Thôn Linh Hạ	*647*	*118%*	*2.480*				*X*	
21	Thôn Phù Oanh	*208*	*38%*	*724*		*X*			
22	Thôn An Trạch	*325*	*59%*	*1.129*		*X*			
23	Thôn Cao Đông	*476*	*87%*	*1.613*		*X*			
24	Thôn Cao Đoài	*364*	*66%*	*1.194*		*X*			
Tổng số: 24 thôn		*13.551*		*46.406*					

PHỤ LỤC 1B
THỐNG KÊ THÔN KHÔNG THỰC HIỆN SẮP XẾP, TỔ CHỨC LẠI

(Kèm theo Đề án số /ĐA-UBND ngày / /2026 của Ủy ban nhân dân xã)

STT	Tên thôn (TDP)	Số hộ gia đình	Tiêu chuẩn quy mô hộ gia đình so với quy định (đạt tỷ lệ %)	Số dân	Lý do không thực hiện sắp xếp *(Trình bày rõ các yếu tố đặc thù, lý do không sắp xếp)*
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*
I	**KHÔNG SẮP XẾP DO ĐÃ ĐẢM BẢO TIÊU CHUẨN QUY MÔ HỘ GIA ĐÌNH**				
1	Thôn Trịnh Mỹ	*762*	*139%*	*2.496*	Đủ tiêu chuẩn theo quy định
2	Thôn Tiên Xá	*939*	*171%*	*3.048*	Đủ tiêu chuẩn theo quy định
3	Thôn Nội Lễ	*737*	*134%*	*2.695*	Đủ tiêu chuẩn theo quy định
4	Thôn Nội Thượng	*558*	*101%*	*2.140*	Đủ tiêu chuẩn theo quy định
5	Thôn Nội Mai	*554*	*101%*	*2.277*	Đủ tiêu chuẩn theo quy định
6	Thôn An Xá	*714*	*130%*	*2.312*	Đủ tiêu chuẩn theo quy định
7	Thôn Dung	*1.076*	*196%*	*3.477*	Đủ tiêu chuẩn theo quy định
	Tổng số: 07 thôn	**5.340**		**18.445**	
II	**CHƯA ĐẠT TIÊU CHUẨN NHƯNG KHÔNG SẮP XẾP DO CÓ CÁC YẾU TỐ ĐẶC THÙ**				
	Không có				

PHỤ LỤC 2A

Phương án sắp xếp, tổ chức lại thôn trên địa bàn xã Hoàng Hoa Thám

(Kèm theo Đề án số /ĐA-UBND ngày / /2026 của Ủy ban nhân dân xã Hoàng Hoa Thám)

TT	Tên thôn cũ	Số hộ gia đình (hộ)	Tổng số dân (người)	Phương án sắp xếp, tổ chức lại					Ghi chú
				Phương án, tên thôn mới	Số hộ gia đình (hộ)	Đánh giá tiêu chuẩn theo quy định (đạt tỷ lệ %)	Tổng số dân (người)	Lý do	
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*
Xã Hoàng Hoa Thám có 24 thôn. Thực hiện sắp xếp, tổ chức lại 17 thôn thành 09 thôn mới, giữ nguyên 07 thôn. Sau sắp xếp có 16 thôn, giảm 08 thôn.									
1	Thôn Dị Chế	1.508	5.301	Thôn Dị Chế	1.358	247%	4.701	Giảm khoảng 150 hộ tại khu Đồng Quan, Đội 3, thôn Dị Chế chuyển sang thôn Hòa Bình, phong tục tập quán, các yếu tố văn hóa không bị ảnh hưởng, thuận lợi cho việc sinh hoạt của Nhân dân	
2	Thôn Chế Chì	259	869	Thôn Đa Quang	739	134%	2.411	02 thôn liền kề nhau, có quy mô số hộ gia đình chưa đảm bảo theo quy định; phong tục tập quán, các yếu tố văn hóa không bị ảnh hưởng, thuận lợi cho việc sinh hoạt của Nhân dân	
	Thôn Đa Quang	480	1.542						
3	Thôn Trịnh Mỹ	762	2.496	Thôn Trịnh Mỹ	762	139%	2.496	Đảm bảo quy mô số hộ gia đình theo quy định	
4	Thôn Nội Linh	639	2.037	Thôn Ngô Quyền	1.128	205%	3.718	02 thôn liền kề nhau, thôn Đại Nại có quy mô số hộ gia đình chưa đảm bảo theo quy định; phong tục tập quán, các yếu tố văn hóa không bị ảnh hưởng, thuận lợi cho việc sinh hoạt của Nhân dân	
	Thôn Đại Nại	489	1.681						
5	Thôn Hòa Bình	862	2.895	Thôn Hòa Bình	1.012	184%	3.495	Nhận khoảng 150 hộ từ khu Đồng Quan, thôn Dị Chế chuyển sang, phong tục tập quán, các yếu tố văn hóa không bị ảnh hưởng, thuận lợi cho việc sinh hoạt của Nhân dân	
6	Thôn Tiên Xá	939	3.048	Thôn Tiên Xá	939	171%	3.048	Đảm bảo quy mô số hộ gia đình theo quy định	

TT	Tên thôn cũ	Số hộ gia đình (hộ)	Tổng số dân (người)	Phương án sắp xếp, tổ chức lại					Ghi chú
				Phương án, tên thôn mới	Số hộ gia đình (hộ)	Đánh giá tiêu chuẩn theo quy định (đạt tỷ lệ %)	Tổng số dân (người)	Lý do	
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*
7	Thôn Tam Nông	511	1.654	Thôn Tam Nông	741	135%	2.382	02 thôn liền kề nhau, có quy mô số hộ gia đình chưa đảm bảo theo quy định; phong tục tập quán, các yếu tố văn hóa không bị ảnh hưởng, thuận lợi cho việc sinh hoạt của Nhân dân	
	Thôn Muội Sảng	230	728						
8	Thôn Xuân Điểm	270	945	Thôn Hưng Đạo	586	107%	1.968	02 thôn liền kề nhau, có quy mô số hộ gia đình chưa đảm bảo theo quy định; phong tục tập quán, các yếu tố văn hóa không bị ảnh hưởng, thuận lợi cho việc sinh hoạt của Nhân dân	
	Thôn Hậu Xá	316	1.023						
9	Thôn Dung	1.076	3.477	Thôn Dung	1.076	196%	3.477	Đảm bảo quy mô số hộ gia đình theo quy định	
10	Thôn Linh Hạ	647	2.480	Thôn Nhật Tân	972	177%	3.609	02 thôn liền kề nhau, thôn An Trạch có quy mô số hộ gia đình chưa đảm bảo theo quy định; phong tục tập quán, các yếu tố văn hóa không bị ảnh hưởng, thuận lợi cho việc sinh hoạt của Nhân dân	
	Thôn An Trạch	325	1.129						
11	Thôn Phượng Tường	386	1.300	Thôn Phượng Tường	835	152%	2.870	02 thôn liền kề nhau, có quy mô số hộ gia đình chưa đảm bảo theo quy định; phong tục tập quán, các yếu tố văn hóa không bị ảnh hưởng, thuận lợi cho việc sinh hoạt của Nhân dân	
	Thôn Phù Oanh	208	724						
	Thôn Nghĩa Chế	241	846						
12	Thôn Cao Đông	476	1.613	Thôn Cao Cương	840	153%	2.807	02 thôn liền kề nhau, có quy mô số hộ gia đình chưa đảm bảo theo quy định; phong tục tập quán, các yếu tố văn hóa không bị ảnh hưởng, thuận lợi cho việc sinh hoạt của Nhân dân	
	Thôn Cao Đoài	364	1.194						
13	Thôn Nội Lễ	737	2.695	Thôn Nội Lễ	737	134%	2.695	Đảm bảo quy mô số hộ gia đình theo quy định	

TT	Tên thôn cũ	Số hộ gia đình (hộ)	Tổng số dân (người)	Phương án sắp xếp, tổ chức lại					Ghi chú
				Phương án, tên thôn mới	Số hộ gia đình (hộ)	Đánh giá tiêu chuẩn theo quy định (đạt tỷ lệ %)	Tổng số dân (người)	Lý do	
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*
14	Thôn Nội Thượng	558	2.140	Thôn Nội Thượng	558	101%	2.140	Đảm bảo quy mô số hộ gia đình theo quy định	
15	Thôn Nội Mai	554	2.277	Thôn Nội Mai	554	101%	2.277	Đảm bảo quy mô số hộ gia đình theo quy định	
16	Thôn An Xá	714	2.312	Thôn An Xá	714	130%	2.312	Đảm bảo quy mô số hộ gia đình theo quy định	

PHỤ LỤC 2B

Tổng hợp số lượng, quy mô thôn sau khi sắp xếp, tổ chức lại trên địa bàn xã Hoàng Hoa Thám

(Kèm theo Đề án số /ĐA-UBND ngày / /2026 của UBND xã Hoàng Hoa Thám)

TT	Tên xã, phường	Số thôn trước sắp xếp, tổ chức lại	Số thôn thực hiện sắp xếp, tổ chức lại	Số thôn không thực hiện sắp xếp		Số thôn sau sắp xếp, tổ chức lại	Số lượng phương án sắp xếp, tổ chức lại		Số thôn giảm	Số người HĐ KCT dự kiến giảm	Số người tham gia hoạt động trực tiếp dự kiến giảm	Trụ sở nhà văn hóa dôi dư	Ghi chú
				Do đảm bảo tiêu chuẩn theo quy định	Chưa đảm bảo tiêu chuẩn nhưng không thực hiện sắp xếp, tổ chức lại		Sắp xếp 02 thôn	Sắp xếp 03 thôn					
A	*B*	*1*	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*
1	Xã Hoàng Hoa Thám	24	17	7	0	16	6	1	8	9	50	Đề nghị tiếp tục sử dụng	

PHỤ LỤC 3A

Danh sách người hoạt động không chuyên trách ở thôn, tổ dân phố trên địa bàn xãtrước sắp xếp, tổ chức lại thôn

(Kèm theo Đề án số /ĐA-UBND ngày /05/2026 của UBND xã Hoàng Hoa Thám)

STT	Họ và tên	Năm sinh	Nữ	Đảng viên	Chức vụ, chức danh Người hoạt động KCT ở thôn, tổ dân phố	Mức phụ cấp hiện hưởng	Chia theo độ tuổi				Chia theo trình độ đào tạo				Đang hưởng chế độ hưu trí hoặc đã đủ tuổi nghỉ hưu theo quy định
							Dưới 40 tuổi	Từ 40 tuổi đến dưới 50 tuổi	Từ 50 tuổi đến dưới 60 tuổi	Trên 60 tuổi	Trên ĐH	Đại học	Cao đẳng, trung cấp	Dưới trung cấp	
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*16*
	Xã Hoàng Hoa Thám						)								
1	***Thôn An Xá***														
1	Nguyễn Ngọc Bình	1965		1	Bí thư chi bộ kiêm Trưởng thôn	9.360.000				1				1	
2	Nguyễn Đăng Khuê	1984		1	Trưởng Ban Công tác mặt trận kiêm Tổ phó Tổ ANTT	7.956.000		1				1			
2	***Thôn Nội Lễ***														
1	Nguyễn Thị Hoa	1964	1	1	Bí thư chi bộ kiêm Trưởng thôn	9.360.000				1				1	
2	Nguyễn Hải Anh	1987		1	Trưởng Ban Công tác mặt trận kiêm chi ủy viên	6.201.000	1					1			
3	***Thôn Nội Mai***														
1	Trần Văn Thái	1961		1	Bí thư chi bộ kiêm Trưởng thôn	9.360.000				1				1	

STT	Họ và tên	Năm sinh	Nữ	Đảng viên	Chức vụ, chức danh Người hoạt động KCT ở thôn, tổ dân phố	Mức phụ cấp hiện hưởng	Chia theo độ tuổi				Chia theo trình độ đào tạo				Đang hưởng chế độ hưu trí hoặc đã đủ tuổi nghỉ hưu theo quy định
							Dưới 40 tuổi	Từ 40 tuổi đến dưới 50 tuổi	Từ 50 tuổi đến dưới 60 tuổi	Trên 60 tuổi	Trên ĐH	Đại học	Cao đẳng, trung cấp	Dưới trung cấp	
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*16*
2	Nguyễn Xuân Bá	1995		1	Trưởng Ban Công tác mặt trận	4.680.000	1							1	
4	***Thôn Nội Thượng***														
1	Phạm Văn Hào	1957		1	Bí thư chi bộ kiêm Trưởng thôn	9.360.000				1			1		
2	Phạm Văn Công	1998			Trưởng Ban Công tác mặt trận	4.680.000	1							1	
5	***Thôn Dị Chế***														
1	Vũ Quang Vinh	1971		1	Bí thư chi bộ kiêm Trưởng thôn	9.360.000			1					1	
2	Vũ Trọng Hiếu	1984		1	Trưởng Ban Công tác mặt trận kiêm Phó Bí thư chi bộ	9.126.000		1				1			
6	***Thôn Nghĩa Chế***														
1	Nguyễn Công Khanh	1971		1	Bí thư chi bộ kiêm Trưởng thôn	7.020.000			1					1	
2	Đoàn Xuân Hiếu	1984		1	Trưởng Ban Công tác mặt trận kiêm Phó Trưởng thôn, Chi ủy viên	6.669.000		1						1	
7	***Thôn Chế Chì***														

STT	Họ và tên	Năm sinh	Nữ	Đảng viên	Chức vụ, chức danh Người hoạt động KCT ở thôn, tổ dân phố	Mức phụ cấp hiện hưởng	Chia theo độ tuổi				Chia theo trình độ đào tạo				Đang hưởng chế độ hưu trí hoặc đã đủ tuổi nghỉ hưu theo quy định
							Dưới 40 tuổi	Từ 40 tuổi đến dưới 50 tuổi	Từ 50 tuổi đến dưới 60 tuổi	Trên 60 tuổi	Trên ĐH	Đại học	Cao đẳng, trung cấp	Dưới trung cấp	
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*16*
1	Trần Văn Giá	1968		1	Bí thư chi bộ kiêm Trưởng thôn	7.020.000			1				1		
2	Vũ Văn Quý	1979		1	Trưởng Ban Công tác mặt trận	3.510.000		1						1	
8	***Thôn Đa Quang***														
1	Đào Văn Nghiêm	1971		1	Bí thư chi bộ kiêm Trưởng thôn	9.360.000			1					1	
2	An Trọng Hiệp	1981		1	Trưởng Ban Công tác mặt trận	5.850.000		1				1			
9	***Thôn Tam Nông***														
1	Đào Văn Thân	1965		1	Bí thư chi bộ kiêm Trưởng thôn	9.360.000				1				1	
2	Lê Yến Ngọc	1988	1	1	Trưởng Ban Công tác mặt trận kiêm Nhân viên y tế thôn, chi ủy viên	6.669.000	1						1		
10	***Thôn Muội Sảng***														
1	Nguyễn Đức Dụng	1958		1	Bí thư chi bộ kiêm Trưởng thôn	7.020.000				1				1	
2	Nguyễn Văn Khiêm	1970		1	Trưởng Ban Công tác mặt trận kiêm Phó Bí thư chi bộ	6.318.000			1					1	

STT	Họ và tên	Năm sinh	Nữ	Đảng viên	Chức vụ, chức danh Người hoạt động KCT ở thôn, tổ dân phố	Mức phụ cấp hiện hưởng	Chia theo độ tuổi				Chia theo trình độ đào tạo				Đang hưởng chế độ hưu trí hoặc đã đủ tuổi nghỉ hưu theo quy định
							Dưới 40 tuổi	Từ 40 tuổi đến dưới 50 tuổi	Từ 50 tuổi đến dưới 60 tuổi	Trên 60 tuổi	Trên ĐH	Đại học	Cao đẳng, trung cấp	Dưới trung cấp	
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*16*
11	***Thôn Xuân Điểm***														
1	Nguyễn Quốc Trị	1974		1	Bí thư chi bộ kiêm Trưởng thôn	7.020.000			1				1		
2	Trần Thị Thủy	1972	1		Trưởng Ban Công tác mặt trận kiêm Chi hội trưởng Hội Nông dân, Tổ viên Tổ ANTT	6.552.000			1					1	
12	***Thôn Hậu Xá***														
1	Phạm Văn Kế	1963		1	Bí thư chi bộ kiêm Trưởng thôn	7.020.000				1				1	
2	Phạm Thanh Long	1977		1	Trưởng Ban Công tác mặt trận kiêm Phó Trưởng thôn	6.318.000		1					1		
13	***Thôn Dung***														
1	An Quốc Toản	1970		1	Bí thư chi bộ kiêm Trưởng thôn	9.360.000			1					1	
2	Trần Thị Vân	1972	1	1	Trưởng Ban Công tác mặt trận	4.680.000			1					1	
14	***Thôn Cao Đoài***														
1	Nguyễn Vũ Hiếu	1993		1	Bí thư chi bộ kiêm Trưởng thôn	9.360.000	1					1			

STT	Họ và tên	Năm sinh	Nữ	Đảng viên	Chức vụ, chức danh Người hoạt động KCT ở thôn, tổ dân phố	Mức phụ cấp hiện hưởng	Chia theo độ tuổi				Chia theo trình độ đào tạo				Đang hưởng chế độ hưu trí hoặc đã đủ tuổi nghỉ hưu theo quy định
							Dưới 40 tuổi	Từ 40 tuổi đến dưới 50 tuổi	Từ 50 tuổi đến dưới 60 tuổi	Trên 60 tuổi	Trên ĐH	Đại học	Cao đẳng, trung cấp	Dưới trung cấp	
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*16*
2	Nguyễn Thị Hồng Thắm	1972	1	1	Trưởng Ban Công tác mặt trận kiêm chi ủy viên	5.031.000			1					1	
15	***Thôn Cao Đông***														
1	Phạm Như Mới	1973		1	Bí thư chi bộ kiêm Trưởng thôn	10.530.000			1			1			
2	Nguyễn Khắc Thuấn	1992		1	Trưởng Ban Công tác mặt trận kiêm Bí thư chi đoàn, chi ủy viên	7.605.000	1					1			
16	***Thôn Linh Hạ***														
1	Nguyễn Quang Hiển	1985		1	Bí thư chi bộ kiêm Trưởng thôn	10.530.000		1				1			
2	Vũ Văn Thành	1979		1	Trưởng Ban Công tác mặt trận kiêm Phó Bí thư chi bộ	7.956.000		1						1	
17	***Thôn An Trạch***														
1	Nguyễn Văn Thắng	1962		1	Bí thư chi bộ kiêm Trưởng thôn	7.020.000				1			1		
2	Nguyễn Thị Thùy Ny	1991	1	1	Trưởng Ban Công tác mặt trận	4.680.000	1					1			
18	***Thôn Phượng Tường***														

STT	Họ và tên	Năm sinh	Nữ	Đảng viên	Chức vụ, chức danh Người hoạt động KCT ở thôn, tổ dân phố	Mức phụ cấp hiện hưởng	Chia theo độ tuổi				Chia theo trình độ đào tạo				Đang hưởng chế độ hưu trí hoặc đã đủ tuổi nghỉ hưu theo quy định
							Dưới 40 tuổi	Từ 40 tuổi đến dưới 50 tuổi	Từ 50 tuổi đến dưới 60 tuổi	Trên 60 tuổi	Trên ĐH	Đại học	Cao đẳng, trung cấp	Dưới trung cấp	
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*16*
1	Hoàng Văn Phong	1969		1	Bí thư chi bộ kiêm Trưởng thôn	9.360.000			1					1	
2	Nguyễn Thị Lâm	1977	1	1	Trưởng Ban Công tác mặt trận kiêm chi ủy viên, tổ phó tổ ANTT	7.137.000		1						1	
19	***Thôn Phù Oanh***														
1	Phạm Đình Bang	1973		1	Bí thư chi bộ kiêm Trưởng thôn	7.020.000			1					1	
2	Phạm Xuân Đông	1988		1	Trưởng Ban Công tác mặt trận kiêm Phó Bí thư chi bộ, Bí thư chi đoàn	8.658.000	1					1			
20	***Thôn Nội Linh***														
1	Nguyễn Văn Việt	1966		1	Bí thư chi bộ kiêm Trưởng thôn	9.360.000				1				1	
2	Nguyễn Thanh Sơn	1986		1	Trưởng Ban Công tác mặt trận kiêm tổ phó tổ ANTT	6.786.000		1						1	
21	***Thôn Đại Nại***														
1	Phạm Văn Bao	1974		1	Bí thư chi bộ kiêm Trưởng thôn	10.530.000			1			1			
2	Phạm Ngọc Quý	1986		1	Trưởng Ban Công tác mặt trận kiêm tổ viên tổ ANTT, chi ủy viên	7.137.000		1						1	

STT	Họ và tên	Năm sinh	Nữ	Đảng viên	Chức vụ, chức danh Người hoạt động KCT ở thôn, tổ dân phố	Mức phụ cấp hiện hưởng	Chia theo độ tuổi				Chia theo trình độ đào tạo				Đang hưởng chế độ hưu trí hoặc đã đủ tuổi nghỉ hưu theo quy định
							Dưới 40 tuổi	Từ 40 tuổi đến dưới 50 tuổi	Từ 50 tuổi đến dưới 60 tuổi	Trên 60 tuổi	Trên ĐH	Đại học	Cao đẳng, trung cấp	Dưới trung cấp	
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*16*
22	***Thôn Trịnh Mỹ***														
1	Nguyễn Đức Minh	1965		1	Bí thư chi bộ kiêm Trưởng thôn	9.360.000				1			1		
2	Trần Thị Hằng	1982	1	1	Trưởng Ban Công tác mặt trận kiêm chi ủy viên	6.201.000		1				1			
23	***Thôn Hòa Bình***														
1	Đồng Văn Lung	1976		1	Bí thư chi bộ kiêm Trưởng thôn	9.360.000			1				1		
2	An Văn Hạnh	1982		1	Trưởng Ban Công tác mặt trận kiêm tổ phó tổ ANTT	6.786.000		1						1	
24	***Thôn Tiên Xá***														
1	Trần Quang Diến	1957		1	Bí thư chi bộ kiêm Trưởng thôn, Nhân viên y tế thôn	10.998.000				1				1	
2	Trần Quang Phương	1978		1	Trưởng Ban Công tác mặt trận	5.850.000		1				1			
	Tổng số		**8**	46			**8**	**14**	**15**	**11**	**0**	13	**8**	27	

PHỤ LỤC 3B

Danh sách người tham gia hoạt động trực tiếp ở thôn, tổ dân phố trên địa bàn xã Hoàng Hoa Thám trước sắp xếp, tổ chức lại thôn

(Kèm theo Đề án số /ĐA-UBND ngày /05/2026 của UBND xã Hoàng Hoa Thám)

STT	Họ và tên	Năm sinh	Nữ	Đảng viên	Chức vụ, chức danh tham gia hoạt động trực tiếp ở thôn, tổ dân phố	Mức phụ cấp/ hỗ trợ hiện hưởng	Chia theo độ tuổi				Chia theo trình độ đào tạo				Đang hưởng chế độ hưu trí hoặc đã đủ tuổi nghỉ hưu theo quy định
							Dưới 40 tuổi	Từ 40 tuổi đến dưới 50 tuổi	Từ 50 tuổi đến dưới 60 tuổi	Trên 60 tuổi	Trên ĐH	Đại học	Cao đẳng, trung cấp	Dưới trung cấp	
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*16*
	Xã Hoàng Hoa Thám														
1	***Thôn An Xá***														
1	Hoàng Văn Tuấn	1973		1	Phó Bí thư chi bộ kiêm Phó trưởng thôn, Tổ trưởng Tổ ANTT	8.892.000			1					1	
2	Nguyễn Duy Chinh	1963		1	Chi ủy viên kiêm Nhân viên y tế thôn	1.989.000				1				1	
3	Nguyễn Văn Đoan	1986		1	Chi ủy viên kiêm Chi hội trưởng Chữ thập đỏ	1.989.000		1				1			
4	Nguyễn Quốc Huy	1981		1	Chi ủy viên kiêm Chi hội trưởng hội nông dân	1.989.000		1						1	
5	Phạm Thị Thúy	1971	1	1	chi hội trưởng Hội LHPN	1.638.000			1					1	
6	Nguyễn Văn Sách	1961			Chi hội trưởng Hội CCB	1.638.000				1				1	
7	Phạm Thị Vui	1962	1		Chi hội trưởng Người cao tuổi	1.638.000				1				1	
8	Phạm Văn Tiền	1990			Thôn đội trưởng kiêm Bí thư chi đoàn	3.978.000	1					1			

9	Nguyễn Hồng Sơn	1972		1	Tổ viên Tổ ANTT	1.872.000			1					1	
2	***Thôn Nội Lễ***														
1	Nguyễn Văn Công	1990		1	Phó Trưởng thôn kiêm Thôn đội trưởng, chi ủy viên	5.967.000	1					1			
2	Nguyễn Thị Liên	1963	1	1	Phó Bí thư chi bộ	3.276.000				1				1	
3	Đỗ Thị Nhật	1962	1		Nhân viên y tế thôn kiêm Chi hội trưởng Chữ thập đỏ	3.276.000				1				1	
4	Nguyễn Thị Thanh	1983	1	1	Chi hội trưởng hội nông dân	1.638.000		1					1		
5	Trần Văn Du	1953			Chi hội trưởng Người cao tuổi kiêm Chi hội trưởng Hội CCB	3.276.000				1				1	
6	Ngô Thị Cẩm Chi	1989	1	1	chi hội trưởng Hội LHPN	1.638.000	1						1		
7	Trần Huy Hiệu	2000		1	Bí thư chi đoàn	1.638.000	1					1			
8	Đỗ Văn Lợi	1957		1	Chi ủy viên	351.000				1			1		
9	Nguyễn Văn Thanh	1967			Tổ trưởng Tổ ANTT	2.340.000			1					1	
10	Nguyễn Văn Ái	1962			Tổ phó Tổ ANTT	2.106.000				1				1	
11	Đỗ Trung Nghĩa	1963		1	Tổ viên Tổ ANTT	1.872.000				1				1	
3	***Thôn Nội Mai***														
1	Nguyễn Văn Phòng	1969		1	Phó Trưởng thôn kiêm chi ủy viên, Tổ trưởng Tổ ANTT	5.967.000			1					1	

2	Đỗ Quang Vinh	1958		1	Phó Bí thư chi bộ	3.276.000				1				1	
3	Nguyễn Thạch Anh	1999		1	Thôn đội trưởng kiêm Bí thư chi đoàn, Tổ viên Tổ ANTT	5.850.000	1							1	
4	Đỗ Thị Duyên	1972	1		chi hội trưởng Hội LHPN kiêm Nhân viên y tế thôn	3.276.000			1					1	
5	Đỗ Đức Nhượng	1954		1	Chi hội trưởng Hội CCB	1.638.000				1				1	
6	Trần Duy Dương	1964		1	Chi ủy viên kiêm Chi hội trưởng Người cao tuổi	1.989.000				1				1	
7	Trần Văn Phi	1964		1	Chi ủy viên kiêm Chi hội trưởng Chữ thập đỏ	1.989.000				1				1	
8	Trần Văn Quân	1975		1	Chi hội trưởng hội nông dân	1.638.000			1					1	
4	***Thôn Nội Thượng***														
1	Phan Thị Lộc	1963	1	1	Phó Bí thư chi bộ kiêm Phó trưởng thôn	6.552.000				1				1	
2	Đỗ Đức Hưng	1991		1	Chi ủy viên kiêm Chi hội trưởng hội nông dân, Tổ phó Tổ ANTT	4.095.000	1						1		
3	Đỗ Văn Hòa	1955		1	Chi ủy viên kiêm Chi hội trưởng Hội CCB	1.989.000				1			1		
4	Phan Sỹ Long	1995		1	Chi ủy viên kiêm Bí thư chi đoàn, Chi hội trưởng Chữ thập đỏ	3.627.000	1							1	
5	Lê Thị Sáng	1960	1	1	Chi hội trưởng Người cao tuổi	1.638.000				1				1	
6	Trần Thị Phương	1989	1	1	Chi hội trưởng Hội LHPN	1.638.000	1					1			
7	Trần Minh Viện	1973			Thôn đội trưởng	2.340.000			1					1	

8	Đỗ Thị Nhàn	1969	1		Nhân viên y tế thôn	1.638.000			1					1	
9	Phạm Anh Tuấn	1985		1	Tổ trưởng Tổ ANTT	2.340.000		1					1		
5	***Thôn Dị Chế***														
1	Nguyễn Thị Loan	1962	1	1	Phó trưởng thôn kiêm chi ủy viên	3.627.000				1				1	
2	Vũ Văn Sỹ	1990			Thôn đội trưởng	2.340.000	1					1			
3	Hoàng Thị Hạnh	1974	1	1	chi hội trưởng Hội LHPN kiêm Nhân viên y tế thôn, Chi ủy viên	3.627.000			1					1	
4	Lê Xuân Minh	1967			Chi hội trưởng hội nông dân	1.638.000			1					1	
5	Lê Đức Long	1966		1	Chi hội trưởng Người cao tuổi	1.638.000				1				1	
6	Nguyễn Văn Dũng	1959		1	Chi hội trưởng Hội CCB	1.638.000				1				1	
7	Vũ Văn Khỏe	2002		1	Bí thư chi đoàn	1.638.000	1							1	
8	Vũ Thị Hòa	1983		1	Chi ủy viên kiêm Chi hội trưởng Chữ thập đỏ	1.989.000		1						1	
9	Nguyễn Đức Bình	1966			Tổ trưởng Tổ ANTT	2.340.000				1				1	
10	Nguyễn Văn Thắng	1987			Tổ phó Tổ ANTT	2.106.000	1							1	
11	Lương Xuân Thưởng	1999		1	Tổ viên Tổ ANTT	1.872.000	1							1	
6	***Thôn Nghĩa Chế***														
1	Nguyễn Đức Thành	1961		1	Phó Bí thư chi bộ kiêm Chi hội trưởng Chữ thập đỏ	3.978.000				1				1	

2	Nguyễn Tuấn Anh	1998		1	Thôn đội trưởng kiêm Chi hội trưởng hội nông dân, Tổ viên Tổ ANTT	4.914.000	1							1	
3	Nguyễn Thị Thu Hằng	1971	1		chi hội trưởng Hội LHPN kiêm Nhân viên y tế thôn	2.340.000			1					1	
4	Nguyễn Văn Đông	1957			Chi hội trưởng Người cao tuổi kiêm Chi hội trưởng Hội CCB	2.340.000				1				1	
5	Đoàn Ngọc Tú	2004			Bí thư chi đoàn	1.170.000	1					1			
6	Trần Viết Bộ	1965			Tổ trưởng Tổ ANTT	2.340.000				1				1	
7	Đoàn Ngọc Sỹ	1970			Tổ phó Tổ ANTT	2.106.000			1					1	
7	***Thôn Chế Chì***														
1	Vũ Văn Bình	1954		1	Phó Trưởng thôn kiêm Chi hội trưởng Người cao tuổi, Chi ủy viên	4.329.000				1				1	
2	Lê Thị Bùng	1959	1	1	Phó Bí thư chi bộ	2.808.000				1			1		
3	Đỗ Văn Viễn	1987			Thôn đội trưởng kiêm Bí thư chi đoàn	3.042.000	1							1	
4	Vũ Thị Xuân	1970	1	1	chi hội trưởng Hội LHPN kiêm Nhân viên y tế thôn	2.340.000			1					1	
5	Lê Quang Sáng	1984			Chi hội trưởng hội nông dân kiêm Tổ phó Tổ ANTT	3.276.000		1						1	
6	Trần Xuân Đấu	1958		1	Chi hội trưởng Hội CCB kiêm Chi hội trưởng Chữ thập đỏ	2.340.000				1			1		
7	Trần Văn Hởi	1964			Tổ trưởng Tổ ANTT	2.340.000				1				1	
8	Vũ Văn Thắng	1979			Tổ viên Tổ ANTT	1.872.000		1						1	

8	***Thôn Đa Quang***														
1	Vũ Văn Cường	1989		1	Phó Trưởng thôn kiêm Phó Bí thư chi bộ, Bí thư chi đoàn	7.488.000	1					1			
2	An Thành Long	2000			Thôn đội trưởng kiêm Chi hội trưởng Chữ thập đỏ	3.510.000	1							1	
3	Vũ Thị Tươi	1985	1	1	Nhân viên y tế thôn kiêm chi hội trưởng Hội LHPN	2.808.000		1						1	
4	An Thị Tân	1971	1		Chi hội trưởng hội nông dân	1.404.000			1					1	
5	Vũ Văn Ngoại	1956			Chi hội trưởng Người cao tuổi kiêm Chi hội trưởng Hội CCB	2.808.000				1				1	
6	An Thế Sơn	1957		1	Chi ủy viên	351.000				1				1	
7	Trần Văn Phong	1971			Tổ trưởng Tổ ANTT	2.340.000			1					1	
8	Cao Văn Phong	1984			Tổ phó Tổ ANTT	2.106.000		1						1	
9	***Thôn Tam Nông***														
1	Nguyễn Thị Tuyến	1965	1	1	Phó Trưởng thôn kiêm Phó Bí thư chi bộ	6.552.000				1				1	
2	Lê Hữu Tiến	1967		1	Tổ trưởng Tổ ANTT kiêm Thôn đội trưởng	4.680.000			1					1	
3	Phạm Thị Loan	1972	1	1	Chi hội trưởng hội nông dân	1.638.000			1			1			
4	Lê Hữu Túc	1958			Chi hội trưởng Người cao tuổi kiêm Chi hội trưởng Hội CCB	3.276.000				1				1	
5	Chu Thị Hảo	1972	1		chi hội trưởng Hội LHPN	1.638.000			1					1	

6	Vũ Thị Hường	1993	1		Bí thư chi đoàn	1.638.000	1					1			
7	Nguyễn Ngọc Ngọ	1957		1	Chi ủy viên kiêm Chi hội trưởng Chữ thập đỏ	1.989.000				1				1	
8	Phạm Thị Vui	1963	1	1	Chi ủy viên	351.000				1		1			
9	Đào Văn Thuần	1965			Tổ phó Tổ ANTT	2.106.000				1				1	
10	Nguyễn Văn Hòa	1965			Tổ viên Tổ ANTT	1.872.000				1				1	
10	***Thôn Muội Sảng***														
1	Trần Thị Nay	1956	1	1	Phó Trưởng thôn kiêm chi ủy viên	3.159.000				1				1	
2	Nguyễn Quang Điệp	1985			Thôn đội trưởng kiêm Tổ trưởng Tổ ANTT	4.212.000		1						1	
3	Nguyễn Thị Nguyệt	1980	1		Chi hội trưởng hội nông dân kiêm Chi hội trưởng Chữ thập đỏ	2.340.000		1						1	
4	Nguyễn Thị Thành	1962	1		Chi hội trưởng Người cao tuổi	1.170.000				1				1	
5	Nguyễn Quang Tuynh	1966			Chi hội trưởng Hội CCB kiêm Tổ phó Tổ ANTT	3.276.000				1				1	
6	Trương Thị Ngát Hồng	1997	1		chi hội trưởng Hội LHPN kiêm Bí thư chi đoàn	2.340.000	1					1			
7	Nguyễn Văn Luật	1961			Tổ viên Tổ ANTT	1.872.000				1				1	
11	***Thôn Xuân Điểm***														
1	Trần Huy Thục	1965		1	Phó Trưởng thôn kiêm Phó Bí thư chi bộ	5.616.000				1				1	

2	Nguyễn Đức Nhân	1991		1	Tổ trưởng Tổ ANTT kiêm Thôn đội trưởng	4.212.000	1							1	
3	Nguyễn Thị Nạp	1956	1	1	Nhân viên y tế thôn	1.170.000				1			1		
4	Lương Thị Lân	1970	1		chi hội trưởng Hội LHPN	1.170.000			1					1	
5	Trần Vô Sản	1950		1	Chi hội trưởng Người cao tuổi kiêm chi ủy viên	1.521.000				1				1	
6	Nguyễn Thanh Quýnh	1950			Chi hội trưởng Hội CCB	1.170.000				1				1	
7	Vương Thị Huyền	1998	1	1	Bí thư chi đoàn kiêm Chi hội trưởng Chữ thập đỏ	2.340.000	1					1			
8	Bùi Đức Của	1963			Tổ phó Tổ ANTT	2.106.000				1				1	
12	***Thôn Hậu Xá***														
1	Dương Văn Khá	1964		1	Phó Bí thư chi bộ kiêm Tổ trưởng Tổ ANTT	5.148.000				1				1	
2	Dương Văn Sơn	1981			Thôn đội trưởng kiêm Chi hội trưởng Hội CCB (0,5),	3.042.000		1					1		
3	Phạm Thị Oanh	1963	1		Nhân viên y tế thôn kiêm Chi hội trưởng Chữ thập đỏ	2.340.000				1				1	
4	Trần Thị Hà	1989	1		Chi hội trưởng hội nông dân kiêm chi hội trưởng Hội LHPN	2.340.000	1					1			
5	Đặng Thị Mận	1966	1		Chi hội trưởng Người cao tuổi	1.170.000				1				1	
6	Đinh Ngọc Tuyên	2003		1	Bí thư chi đoàn	1.170.000	1							1	
7	Phan Văn Chiên	1965			Tổ phó Tổ ANTT	2.106.000				1				1	

8	Phan Văn Chiều	1963			Tổ viên Tổ ANTT	1.872.000				1				1	
13	***Thôn Dung***														
1	Phạm Đỗ Liên	1962		1	Phó Trưởng thôn kiêm chi ủy viên	3.627.000				1				1	
2	Trần Xuân Tập	1960		1	Phó Bí thư chi bộ	3.276.000				1				1	
3	Trần Quang Thắng	1986		1	Tổ trưởng Tổ ANTT kiêm Thôn đội trưởng, Bí thư chi đoàn	6.318.000		1					1		
4	Bùi Thị Thắm	1979	1		Chi hội trưởng hội nông dân	1.638.000		1						1	
5	An Xuân Ngọc	1948			Chi hội trưởng Người cao tuổi	1.638.000				1				1	
6	Trần Văn Thịnh	1952			Chi hội trưởng Hội CCB	1.638.000				1				1	
7	Mai Thị Nhung	1973	1	1	chi hội trưởng Hội LHPN	1.638.000			1					1	
8	Nguyễn Văn Tính	1970		1	Tổ phó Tổ ANTT kiêm Chi hội trưởng Chữ thập đỏ, Chi ủy viên	4.095.000			1					1	
9	Trần Văn Đương	1960		1	Chi ủy viên	351.000				1				1	
10	Nguyễn Thị Tâm	1968	1		Tổ viên Tổ ANTT	1.872.000			1					1	
14	***Thôn Cao Đoài***														
1	Nguyễn Duy Quý	1979		1	Phó Trưởng thôn kiêm Tổ phó Tổ ANTT	5.148.000		1					1		
2	Lê Hoài Bắc	1978		1	Phó Bí thư chi bộ kiêm Tổ trưởng Tổ ANTT	5.382.000		1				1			

3	Lương Văn Thành	2000			Thôn đội trưởng kiêm Bí thư chi đoàn	3.510.000	1							1	
4	Lương Thị Chuyên	1984	1	1	Chi hội trưởng hội nông dân kiêm Nhân viên y tế thôn	2.808.000		1				1			
5	Nguyễn Như Thắng	1957			Chi hội trưởng Người cao tuổi kiêm Chi hội trưởng Hội CCB	2.808.000				1				1	
6	Nguyễn Thị Dung	1971	1		chi hội trưởng Hội LHPN kiêm Chi hội trưởng Chữ thập đỏ	2.808.000			1					1	
7	Nguyễn Khắc Chính	1957			Tổ viên Tổ ANTT	1.872.000				1				1	
15	***Thôn Cao Đông***														
1	Nguyễn Đức Cường	1957			Phó Trưởng thôn kiêm Chi hội trưởng Người cao tuổi	4.446.000				1				1	
2	Chu Thị Tuân	1964	1	1	Phó Bí thư chi bộ	3.042.000				1				1	
3	Phạm Thị Tiệp	1988	1		Nhân viên y tế thôn	1.404.000	1						1		
4	Nguyễn Tất Tĩnh	1977			Chi hội trưởng hội nông dân kiêm Tổ phó Tổ ANTT	3.510.000		1						1	
5	Nguyễn Trọng Thạnh	1968			Chi hội trưởng Hội CCB kiêm Chi hội trưởng Chữ thập đỏ	2.808.000			1					1	
6	Nguyễn Thị Ngọt	1977	1		chi hội trưởng Hội LHPN kiêm Tổ viên Tổ ANTT	3.276.000		1						1	
7	Phạm Như Lân	1991			Thôn đội trưởng	2.106.000	1					1			
8	Hoàng Đình Huân	1984			Tổ trưởng Tổ ANTT	2.340.000		1						1	
16	***Thôn Linh Hạ***														

1	Lương Quang Thạo	1981		1	Phó Trưởng thôn kiêm Tổ trưởng Tổ ANTT, Chi ủy viên	5.967.000		1						1	
2	Nguyễn Văn Thắm	1993		1	Thôn đội trưởng kiêm Bí thư chi đoàn, Chi ủy viên	4.329.000	1						1		
3	Lương Thị Ngọc	1984	1		Nhân viên y tế thôn	1.638.000		1					1		
4	Ngô Thị Bắc	1985	1	1	Chi hội trưởng hội nông dân kiêm chi hội trưởng Hội LHPN, Chi ủy viên	3.627.000		1					1		
5	Lương Ngọc Vỹ	1956		1	Chi hội trưởng Hội NCT kiêm Chi hội trưởng Hội CCB	3.276.000				1				1	
6	Nguyễn Thị Hằng	1960	1		Chi hội trưởng Chữ thập đỏ	1.638.000				1				1	
7	Lương Văn Tuyển	1992			Tổ viên Tổ ANTT	1.872.000	1							1	
17	***Thôn An Trạch***														
1	Hà Đình Vinh	1977		1	Tổ trưởng Tổ ANTT kiêm Phó Trưởng thôn	5.148.000		1					1		
2	Hoàng Đình Thận	1964		1	Phó Bí thư chi bộ kiêm Chi hội trưởng Hội CCB	3.978.000				1			1		
3	Vũ Văn Hoạch	1984			Thôn đội trưởng kiêm Tổ phó Tổ ANTT	3.978.000		1						1	
4	Nguyễn Thị Chưa	1966	1	1	Nhân viên y tế thôn kiêm Chi ủy viên	1.521.000				1				1	
5	Phạm Thị Ngọc	1971	1		Chi hội trưởng hội nông dân kiêm Chi hội trưởng Người cao tuổi	2.340.000			1					1	
6	Vũ Thị Nguyệt	1981	1	1	chi hội trưởng Hội LHPN	1.170.000		1					1		
7	Nguyễn Thị Xuân	1990	1	1	Bí thư chi đoàn kiêm Chi hội trưởng Chữ thập đỏ	2.340.000	1						1		

8	Nguyễn Tiến Phương	1966		1	Tổ viên Tổ ANTT	1.872.000				1				1	
18	***Thôn Phượng Tường***														
1	Nguyễn Thị Tuyết	1962	1	1	Phó Bí thư chi bộ	3.042.000				1			1		
2	Phạm Thị Sỉu	1961	1		chi ủy viên kiêm Chi hội trưởng Người cao tuổi	1.755.000				1			1		
3	Quách Thị Hạnh	1973	1	1	chi hội trưởng Hội LHPN kiêm Chi hội trưởng hội nông dân	2.808.000			1					1	
4	Nguyễn Xuân Hiến	1958			Chi hội trưởng Hội CCB	1.404.000				1				1	
5	Nguyễn Văn Đáng	1989		1	Tổ trưởng Tổ ANTT kiêm Thôn đội trưởng, chi ủy viên	4.797.000	1							1	
6	Nguyễn Anh Nuôi	1955			Phó Trưởng thôn	3.042.000				1				1	
7	Nguyễn Công Khải	1997			Bí thư chi đoàn kiêm Chi hội trưởng Chữ thập đỏ	2.808.000	1							1	
8	Nguyễn Thị Cảnh	1952	1	1	Nhân viên y tế thôn	1.404.000				1				1	
9	Quách Thành Nhân	1959			Tổ viên Tổ ANTT	1.872.000				1				1	
19	***Thôn Phù Oanh***														
1	Phạm Đình Thi	1982		1	Phó Trưởng thôn kiêm Tổ phó Tổ ANTT	4.914.000		1						1	
2	Phạm Văn Thuấn	1986		1	Thôn đội trưởng kiêm Chi ủy viên thôn, Tổ trưởng tổ ANTT	4.563.000		1						1	
3	Trần Thị Việt	1956	1		Nhân viên y tế thôn kiêm Chi hội trưởng Chữ thập đỏ	2.340.000				1				1	

4	Lương Thị Duyên	1972	1	1	Chi hội trưởng hội nông dân kiêm chi hội trưởng Hội LHPN	2.340.000			1					1	
5	Phạm Văn Bảng	1959		1	Chi hội trưởng Hội CCB	1.170.000				1				1	
6	Phạm Thị Linh	1956	1		Chi hội trưởng Người cao tuổi	1.170.000				1				1	
7	Phạm Văn Tạ	1972			Tổ viên Tổ ANTT	1.872.000			1					1	
20	***Thôn Nội Linh***														
1	Nguyễn Văn Cung	1963			Phó Trưởng thôn	3.276.000				1				1	
2	Vũ Thị Lý	1960	1	1	Phó Bí thư chi bộ	3.276.000				1		1			
3	Nguyễn Văn Tuấn	1963			Thôn đội trưởng kiêm Tổ trưởng Tổ ANTT	4.680.000				1				1	
4	Nguyễn Thị Cảnh	1990	1	1	Chi hội trưởng hội nông dân kiêm chi hội trưởng Hội LHPN, Chi ủy viên	3.627.000	1						1		
5	Lương Đức Hiển	1963			Chi hội trưởng Người cao tuổi	1.638.000				1				1	
6	Lương Hữu Đăng	1990			Bí thư chi đoàn	1.638.000	1						1		
7	Nguyễn Thị Toan	1960	1		Chi hội trưởng Chữ thập đỏ	1.638.000				1				1	
8	Lương Hải Thanh	1962		1	Chi hội trưởng Hội CCB	1.638.000				1		1			
9	Nguyễn Văn Hùng	1984		1	Tổ viên Tổ ANTT	1.872.000		1					1		
21	***Thôn Đại Nại***														

1	Nguyễn Thanh Dũng	1969		1	Phó Trưởng thôn kiêm Phó Bí thư chi bộ	6.084.000			1					1	
2	Phạm Thị Toán	1969	1		Nhân viên y tế thôn	1.404.000			1				1		
3	Nguyễn Thị Thiêm	1959	1		Chi hội trưởng Người cao tuổi	1.404.000				1				1	
4	Vũ Văn Thị	1957		1	Chi hội trưởng Hội CCB	1.404.000				1			1		
5	Nguyễn Thị Thu Hương	1985	1		Chi hội trưởng Hội LHPN kiêm Chi hội trưởng hội nông dân	2.808.000		1						1	
6	Trần Văn Hiệp	1977			Thôn đội trưởng	2.106.000		1						1	
7	Phạm Hồng Cẩm	1989			Bí thư chi đoàn	1.404.000	1						1		
8	Trần Văn Thập	1977		1	Tổ trưởng Tổ ANTT kiêm Chi hội trưởng Chữ thập đỏ	3.744.000		1						1	
9	Nguyễn Ngọc Ánh	1985		1	Tổ phó Tổ ANTT	2.106.000		1						1	
22	***Thôn Trịnh Mỹ***														
1	Ngô Xuân Tài	1958			Phó Trưởng thôn kiêm Chi hội trưởng Chữ thập đỏ	4.914.000				1				1	
2	Nguyễn Thị Hiên	1993	1	1	Phó Bí thư chi bộ	3.276.000	1					1			
3	Trần Thanh Bình	1965			Thôn đội trưởng kiêm Chi hội trưởng Hội CCB	4.914.000				1				1	
4	Phạm Thị Thanh Minh	1971	1		Chi hội trưởng hội nông dân kiêm chi hội trưởng Hội LHPN	3.276.000			1					1	
5	Nguyễn Thị Hải Yến	2004	1	1	Bí thư chi đoàn	1.638.000	1						1		

6	Nguyễn Thị Khuyên	1960	1	1	Chi ủy viên kiêm Chi hội trưởng Người cao tuổi	1.989.000				1				1	
7	Nguyễn Thị Hiền	1986	1	1	Chi ủy viên	351.000		1					1		
8	Nguyễn Văn Tuấn	1968			Tổ trưởng Tổ ANTT	2.340.000			1					1	
9	Nguyễn Trung Dũng	1975		1	Tổ phó Tổ ANTT	2.106.000			1					1	
10	Mai Trung Hậu	1972		1	Tổ viên Tổ ANTT	1.872.000			1					1	
23	***Thôn Hòa Bình***														
1	Vũ Thị Tứ	1970	1	1	Phó Trưởng thôn kiêm chi ủy viên	3.627.000			1					1	
2	Đoàn Thị Hiên	1963	1	1	Phó Bí thư chi bộ kiêm Chi hội trưởng Chữ thập đỏ	4.914.000				1				1	
3	Lương Ngọc Sinh	1984		1	Thôn đội trưởng kiêm Tổ trưởng Tổ ANTT , chi ủy viên	5.031.000		1					1		
4	Đinh Thị Thoa	1990	1	1	chi hội trưởng Hội LHPN kiêm Bí thư chi đoàn, Nhân viên y tế thôn	4.914.000	1							1	
5	Quách Thị Linh	1980	1	1	Chi hội trưởng hội nông dân kiêm Tổ viên Tổ ANTT	3.510.000		1						1	
6	Hoàng Thị Ưng	1956	1		Chi hội trưởng Người cao tuổi	1.638.000				1				1	
7	Vũ Quốc Huy	1959			Chi hội trưởng Hội CCB	1.638.000				1				1	
8	Hoàng Văn Trịnh	1968		1	chi ủy viên	351.000			1					1	
24	***Thôn Tiên Xá***														

1	Nguyễn Văn Khoa	1971		1	Phó Trưởng thôn	3.276.000			1					1	
2	Đào Thị Kim Liên	1963	1	1	Phó Bí thư chi bộ	3.276.000				1		1			
3	Trịnh Văn Đạt	1997		1	Thôn đội trưởng kiêm Tổ viên Tổ ANTT	4.212.000	1							1	
4	Đoàn Thị Thủy	1975	1	1	Chi hội trưởng hội nông dân	1.638.000			1					1	
5	Bùi Đình Khánh	1959		1	Chi hội trưởng Người cao tuổi	1.638.000				1			1		
6	Bùi Văn Lực	1952		1	Chi hội trưởng Hội CCB kiêm chi ủy viên	1.989.000				1				1	
7	Bùi Thị Thu Lương	1978	1		chi hội trưởng Hội LHPN	1.638.000		1				1			
8	Vũ Chí Công	1992		1	Tổ trưởng Tổ ANTT kiêm Bí thư chi đoàn, Chi ủy viên	4.329.000	1							1	
9	Trần Thị Hạnh	1958	1	1	Chi hội trưởng Chữ thập đỏ kiêm chi ủy viên	1.989.000				1				1	
10	Nguyễn Văn Kính	1991			Tổ phó Tổ ANTT	2.106.000	1							1	
	Tổng số		**75**	**112**			**40**	**37**	**39**	**90**	**0**	**22**	**32**	**152**	

PHỤ LỤC 3C

Tổng hợp số lượng các tổ chức của thôn trên địa bàn xã Hoàng Hoa Thám

(Kèm theo Đề án số /ĐA-UBND ngày /6/2026 của UBND xã Hoàng Hoa Thám)

TT	Tên địa phương	Số lượng thôn sau sắp xếp	Các tổ chức tại thôn																			So sánh trước khi sắp xếp và sau sắp xếp	Ghi chú
			Trước khi sắp xếp thôn										Sau khi sắp xếp thôn										
			Tổng số	Trong đó									Tổng số	Trong đó									
				Chi bộ	Ban công tác Mặt trận	Chi hội CCB	Chi hội phụ nữ	Chi đoàn TN	Chi hội nông dân	Ban Giám sát đầu tư của cộng đồng	Khác (Chữ thập đỏ, người cao tuổi...)			Chi bộ	Ban công tác Mặt trận	Chi hội CCB	Chi hội phụ nữ	Chi đoàn TN	Chi hội nông dân	Ban Giám sát đầu tư của cộng đồng	Khác (Chữ thập đỏ, người cao tuổi...)		
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*16*	*17*	*18*	*19*	*20*	*21*	*22=13-4*	*23*
1	Xã Hoàng Hoa Thám	16	192	24	24	24	24	24	24	0	48	128	16	16	16	16	16	16		32	-64	

PHỤ LỤC 3D

THỐNG KÊ SỐ LƯỢNG NGƯỜI HOẠT ĐỘNG KHÔNG CHUYÊN TRÁCH, NGƯỜI TRỰC TIẾP THAM GIA HOẠT ĐỘNG Ở THÔN; NGƯỜI THAM GIA KHÁC Ở THÔN VÀ PHƯƠNG ÁN SẮP XẾP, BỐ TRÍ SAU KHI THỰC HIỆN SẮP XẾP THÔN

(Kèm theo Đề án số /ĐA-UBND ngày /6/2026 của UBND xã Hoàng Hoa Thám)

STT	Tên thôn, tổ dân phố	Số lượng theo định mức			Số lượng hiện có			Số lượng dự kiến bố trí, sắp xếp tại thôn mới			Số lượng dự kiến dôi dư sau sắp xếp			Phương án giải quyết dôi dư
		Người hoạt động không chuyên trách ở thôn	Người trực tiếp tham gia hoạt động tại thôn	Người tham gia Tổ đảm bảo ANTT ở cơ sở	Người hoạt động không chuyên trách ở thôn	Người trực tiếp tham gia hoạt động tại thôn	Người tham gia Tổ đảm bảo ANTT ở cơ sở	Người hoạt động không chuyên trách ở thôn	Người trực tiếp tham gia hoạt động tại thôn	Người tham gia Tổ đảm bảo ANTT ở cơ sở	Người hoạt động không chuyên trách ở thôn	Người trực tiếp tham gia hoạt động tại thôn	Người tham gia Tổ đảm bảo ANTT ở cơ sở	
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*
	Xã Hoàng Hoa Thám													
1	Dị Chế	*3*	*8*	*3*	*2*	*8*	*3*	*2*	*8*	*3*	*0*	*0*	*0*	
2	Trịnh Mỹ	*3*	*7*	*3*	*2*	*7*	*3*	*2*	*7*	*3*	*0*	*0*	*0*	**1. Đối với người hoạt động không chuyên trách:** - Tiếp tục bố trí tham gia công tác tại các tổ chức đoàn thể, tổ tự quản hoặc các hoạt động cộng đồng tại khu dân cư (đối với những người có năng lực, uy tín và nguyện vọng). - Thực hiện chế độ, chính sách theo quy định của Chính phủ về tinh giản biên chế và hướng dẫn của cấp có thẩm quyền.
3	Hòa Bình	*3*	*8*	*3*	*2*	*8*	*0*	*2*	*8*	*0*	*0*	*0*	*0*	
4	Tiên Xá	*3*	*7*	*3*	*2*	*8*	*2*	*2*	*8*	*2*	*0*	*0*	*0*	
5	Dung	*3*	*8*	*3*	*2*	*7*	*3*	*2*	*7*	*3*	*0*	*0*	*0*	
6	Nội Lễ	*3*	*7*	*3*	*2*	*8*	*3*	*2*	*8*	*3*	*0*	*0*	*0*	
7	Nội Thượng	*3*	*7*	*3*	*2*	*8*	*1*	*2*	*8*	*1*	*0*	*0*	*0*	
8	Nội Mai	*3*	*7*	*3*	*2*	*8*	*0*	*2*	*8*	*0*	*0*	*0*	*0*	
9	An Xá	*3*	*7*	*3*	*2*	*8*	*1*	*2*	*8*	*1*	*0*	*0*	*0*	
10	Ngô Quyền	*3*	*8*	*3*	*4*	*15*	*3*	*3*	*8*	*3*	*1*	*7*	*0*	
11	Đa Quang	*3*	*7*	*3*	*4*	*12*	*4*	*3*	*7*	*3*	*1*	*5*	*1*	

12	Tam Nông	*3*	*7*	*3*	*4*	*13*	*4*	*3*	*7*	*3*	*1*	*6*	*1*	**2. Đối với người trực tiếp tham gia hoạt động tại thôn:** Thực hiện chế độ chính sách theo quy định và hướng dẫn của cấp có thẩm quyền.
13	Hưng Đạo	*3*	*7*	*3*	*4*	*12*	*4*	*3*	*7*	*3*	*1*	*5*	*1*	
14	Nhật Tân	*3*	*7*	*3*	*4*	*12*	*3*	*3*	*7*	*3*	*1*	*5*	*0*	
15	Phượng Tường	*3*	*7*	*3*	*6*	*18*	*5*	*3*	*7*	*3*	*3*	*11*	*2*	
16	Cao Cương	*3*	*7*	*3*	*4*	*13*	*2*	*3*	*7*	*3*	*1*	*6*	*-1*	
	Tổng số	*48*	*116*	*48*	*48*	*165*	*41*	*39*	*120*	*37*	*9*	*45*	*4*	

PHỤ LỤC 4

PHƯƠNG ÁN SỬ DỤNG TRỤ SỞ, NHÀ VĂN HÓA THÔN/TỔ DÂN PHỐ SAU SẮP XẾP

(Kèm theo Đề án số /ĐA-UBND ngày /6/2026 của UBND xã Hoàng Hoa Thám)

STT	Thôn, TDP trước sắp xếp	Tên Thôn/ TDP sau sắp xếp	Số lượng hiện có				Số lượng sử dụng				Phương án xử lý				Ghi chú
											Số lượng dôi dư	Phương án			
			Tổng số	Nhà văn hóa	Khu thể thao	Khác	Tổng số	Nhà văn hóa	Khu thể thao	Khác		Tiếp tục sử dụng	Chuyển giao cho quan có thẩm quyền quản lý, sử dụng	Phương án khác	
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*16*
1	Thôn Chế Chì	Thôn Đa Quang	1	1	0	0	1	1	0	0	1	1	0	0	
2	Thôn Đa Quang		1	1	0	0									
3	Thôn Nội Linh	Thôn Ngô Quyền	1	1	0	0	1	1	0	0	1	1	0	0	
4	Thôn Đại Nại		1	1	0	0									
5	Thôn Tam Nông	Thôn Tam Nông	1	1	0	0	1	1	0	0	1	1	0	0	
6	Thôn Muội Sảng		1	1	0	0									
7	Thôn Xuân Điểm	Thôn Hưng Đạo	1	1	0	0	1	1	0	0	1	1	0	0	
8	Thôn Hậu Xá		1	1	0	0									
9	Thôn Linh Hạ	Thôn Nhật Tân	1	1	0	0	1	1	0	0	1	1	0	0	
10	Thôn An Trạch		1	1	0	0									
11	Thôn Phượng Tường	Thôn Phượng Tường	1	1	0	0	1	1	0	0	1	1	0	0	
12	Thôn Phù Oanh		1	1	0	0									
13	Thôn Nghĩa Chế		1	1	0	0									
14	Thôn Cao Đông	Thôn Cao Cương	1	1	0	0	1	1	0	0	1	1	0	0	
15	Thôn Cao Đoài		1	1	0	0									
16	Thôn Dị Chế	Thôn Dị Chế	1	1	0	0	1	1	0	0	0	0	0	0	
17	Thôn Hòa Bình	Thôn Hòa Bình	1	1	0	0	1	1	0	0	0	0	0	0	
Tổng số			**17**	**17**	**0**	**0**	**9**	**9**	**0**	**0**	7	**7**	**0**	**0**	